

Số: 224 /BC-SVHTTDL

Thái Bình, ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO**  
**Kết quả kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Thái Bình**  
**(2017 -2021)**

Kính gửi:

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình.

Thực hiện Công ước năm 2003 của UNESCO về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể; Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 11 năm 2009; Thông tư số 04/2010 ngày 30/06/2010 hướng dẫn kiểm kê và lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể, trong 04 năm từ 2017 - 2021, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tiến hành kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Kết quả xin được báo cáo cụ thể như sau:

**I. QUY TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM KÊ DSVHPVT**

**1. Quy trình tổ chức kiểm kê DSVHPVT**

- Mở lớp tập huấn, phổ biến kiến thức về DSVHPVT, Công ước 2003, Luật DSVH, Thông tư số 04 trên địa bàn các huyện. Tại lớp tập huấn, các giảng viên hướng dẫn cán bộ văn hóa của các xã trên địa bàn huyện cách thức, nội dung, phương pháp kiểm kê và hướng dẫn chi tiết hình thức điền thông tin vào mẫu phiếu kiểm kê do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thái Bình (Sở VH TT&DL) ban hành dựa vào mẫu phiếu của thông tư số 04, phù hợp với tình hình di sản tại địa bàn từng huyện.

- Cán bộ, công chức thuộc Sở Văn hóa, Thể thao, Du lịch phối hợp với cán bộ, công chức văn hóa các xã/thị trấn và Phòng Văn hóa Thông tin huyện phối hợp với cộng đồng tổ chức khảo sát, điền thông tin vào phiếu kiểm kê.

- Tổng hợp kết quả kiểm kê của từng huyện (gồm Báo cáo, Danh mục di sản, phiếu kiểm kê, bản đồ, hình ảnh, băng ghi hình) nộp về Sở VH TT&DL.

- Sở VH TT&DL tỉnh Thái Bình đánh giá, thẩm định tổng hợp và báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi thực hiện kiểm kê toàn tỉnh.

**2. Nguyên tắc kiểm kê**

- Kiểm kê toàn bộ di sản đang tồn tại trên địa bàn tỉnh.
- Chú trọng điều tra thực trạng, bối cảnh thực hành, nguy cơ làm hủy hoại đến di sản, lập danh sách những cá nhân nắm giữ di sản.
- Công tác kiểm kê phải đảm bảo sự đa dạng văn hóa, tôn trọng ý kiến của cộng đồng.
- Lưu ý tính tổng thể của di sản, bao gồm các yếu tố của di sản, từ không gian thực hành, địa điểm, điều kiện thực hành, người thực hành, các thành tố (vật thể, phi vật thể, âm nhạc, ca từ, nghi lễ, v.v.).
- Lưu ý phạm vi về thời gian và không gian, và quy mô tồn tại của di sản, đặc biệt là di sản nằm trên nhiều thôn, xã, để đảm bảo thôn tin về di sản đầy đủ.

### 3. Hướng dẫn điền thông tin vào phiếu kiểm kê

#### \* Nguyên tắc điền thông tin vào phiếu kiểm kê

- Phiếu kiểm kê phải được điền đầy đủ thông tin theo quy định của Thông tư 04 và theo tinh thần của Luật DSVH và Công ước 2003.
- Phiếu kiểm kê phải được viết rõ ràng, không viết chữ in hoa, không viết mực đỏ.
- Người cung cấp thông tin có thể là cá nhân, nhóm người địa phương (thôn, làng) có am hiểu và nắm giữ DSVHPVT được kiểm kê, trong trường hợp có thông tin khác biệt thì ghi lại tất cả các ý kiến.
- Ghi lại chính xác thông tin từ người cung cấp (trước khi ghi ra phiếu các bí quyết, điều thiêng, đời tư cần phải có sự đồng ý và thỏa thuận của người cung cấp thông tin hoặc cộng đồng).
- Thông tin cơ bản theo các mục trong phiếu kiểm kê, nhưng cần vận dụng linh hoạt, đặt nhiều câu hỏi phụ và trao đổi để lấy thông tin từ người được phỏng vấn.
- Không hỏi những câu hỏi mang tính “gợi ý” câu trả lời. Không bỏ sót các câu hỏi. Những câu hỏi không có thông tin thì ghi rõ “*Không có thông tin*”.
- Phiếu được lập bằng máy tính, cần nộp cả hai bản in có chữ ký và bản mềm (định dạng MS.Word).
- Người lập phiếu và Tổ trưởng tổ kiểm kê chịu trách nhiệm về nội dung và chất lượng, yêu cầu của phiếu kiểm kê.
- Phiếu nộp cho Ban kiểm kê phải có đầy đủ chữ ký của người lập phiếu và tổ trưởng tổ kiểm kê.

### 4. Phương pháp sử dụng trong kiểm kê DSVHPVT

Các phương pháp được sử dụng để thu thập thông tin kiểm kê gồm phỏng vấn bảng hỏi, phỏng vấn sâu, quan sát, ghi chép thông qua thảo luận nhóm, hỏi cố,

thống kê và theo quan điểm tôn trọng tiếng nói của cộng đồng trong việc đồng thuận với nội dung giới thiệu về di sản văn hóa do chính cộng đồng sáng tạo và bảo tồn trong lịch sử.

- *Rà soát tài liệu lưu trữ*: Là việc rà soát các báo cáo, các nghiên cứu, phim tư liệu, ảnh, bản đồ, tư liệu liên quan đến các DSVHPVT để tránh trùng lặp gây mất thời gian và để kiểm chứng thông tin thu được từ cộng đồng. Kết hợp sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành (thu tịch học, khảo cổ học, văn bản học, bảo tàng học) trong việc phân tích, đối chiếu, so sánh các nguồn tư liệu để xác định đối tượng khảo sát, kiểm kê.

- *Phương pháp quan sát và ghi chép*: Đây là hữu ích cho việc thu thập kiến thức địa phương và các loại hình DSVHPVT cụ thể. Quan sát bao gồm việc lưu tâm đến ngôn từ và hành động của con người, bao gồm cả cách cộng đồng sử dụng không gian riêng, không gian chung và các gợi ý họ đưa ra xung quanh việc kiểm kê. Người quan sát cần hiểu được khả năng thu thập thông tin “thiên kiến”, ví như “thấy những gì ta muốn thấy”. Nói cách khác, các định kiến sẵn có có thể làm thiên lệch kết quả quan sát do thiếu đi cái nhìn toàn diện về sự việc. Người quan sát cũng cần phải công minh trong việc đưa ra các quyết định cuối cùng về những sự việc nhất định. Đặc biệt là cần phải tránh xét đoán chủ quan và chỉ ‘thấy những thứ ta muốn thấy’. Đáng chú ý nhất là các trường hợp đánh giá DSVHPVT, khi các quan sát viên muốn tỏ ra thành công, họ có thể đưa ra đánh giá không chính xác (vô tình hoặc cố ý) để phù hợp với những mục đích cá nhân. Việc lưu trữ chi tiết và cẩn thận các ghi chép điền dã rất quan trọng, kể cả đối với những cuộc kiểm kê không sử dụng quan sát và ghi chép nhưng một phương pháp chính để tạo thông tin. Ghi chép điền dã được dùng để ghi lại những quan sát trực tiếp, để thu thập bất cứ loại hình DSVHPVT nào được sử dụng và các ý tưởng phát sinh xung quanh các loại hình đó.

- *Phương pháp phỏng vấn*: Là đối thoại giữa hai hay nhiều người với mục đích để khám phá ra một đề tài hay một chủ đề cụ thể, để cung cấp thông tin về một loại hình DSVHPVT. Trong các cuộc phỏng vấn, người phỏng vấn là người đặt câu hỏi, người được phỏng vấn trả lời câu hỏi. Phỏng vấn là một khía cạnh không thể tách rời của các phương pháp tạo thông tin.

- *Chụp ảnh*: Là phương thức hiệu quả trong việc thu thập thông tin liên quan đến bản chất sống động và tiếp biến của DSVHPVT, bằng cách ghi lại đồng thời các hoạt động cũng như các trải nghiệm hay cách lý giải của các bên liên quan. Hơn thế, các bức ảnh không chỉ là những tư liệu lưu trữ và nghiên cứu mà còn là những công cụ hữu ích để quảng bá di sản. Sử dụng các bức ảnh có

thể giúp tăng cường tính trực quan sinh động và nội dung của hoạt động kiểm kê. Các thành viên cộng đồng và những người khác có liên quan đến việc thu thập và trình bày thông tin về các loại hình DSVHPVT có thể chụp lại hình ảnh của người, địa điểm, vật hay sự kiện. Ảnh tư liệu lịch sử hay ảnh lấy từ các bộ sưu tập cá nhân của thành viên cộng đồng cũng có thể được sử dụng.

- *Quay phim*: Là phương pháp hữu ích trong việc truyền tải sự kiện, tình cảm hay những hoạt động hàng ngày giúp hình thành nên đặc điểm của các loại hình DSVHPVT trong một bối cảnh nhất định. Thông qua việc sử dụng phim, các thành viên cộng đồng có thể dễ dàng mô tả các hành động, tập quán hay niềm tin liên quan đến loại hình DSVHPVT, những thứ khó có thể được truyền tải hay giải thích đầy đủ bằng các tư liệu khác. Hơn thế nữa, việc sử dụng phim có thể phổ biến các loại hình DSVHPVT trong các nhóm người không cùng sử dụng một ngôn ngữ nói hay viết, và từ đó góp phần đóng góp vào việc nâng cao nhận thức của người dân về di sản (một trong những mục tiêu chính của Công ước). Việc sử dụng phương pháp quay phim tất nhiên sẽ đòi hỏi một chi phí nhất định (như chi phí cho thiết bị và thời gian để đào tạo sử dụng thiết bị quay phim). Tuy nhiên, các thước phim có thể cung cấp cho một phương tiện thu thập và trình bày cách thức cộng đồng trải nghiệm và thực hành DSVHPVT.

- *Ghi âm*: Là một kỹ thuật có thể được áp dụng cho nhiều phương pháp tạo thông tin khác nhau thí dụ như; Được dùng để thu thập các loại hình DSVHPVT khi mà âm thanh là thành tố chính (âm nhạc, khiêu vũ, ca hát...); Được dùng kết hợp với ảnh và phim để tạo ra những câu chuyện kỹ thuật số; Được dùng để tạo ra các tape âm thanh kỹ thuật số, tiếp cận được nhiều đối tượng khán giả hơn qua mạng internet; Được dùng trong phòng vấn để ghi lại suy nghĩ, phản hồi của các thành viên cộng đồng liên quan đến loại hình DSVHPVT và việc kiểm kê; Được dùng kết hợp trong các dự án quay phim và thánng hoặc hỗ trợ nâng cao nhận thức; Được dùng cho các mục đích lưu trữ (sẽ có giá trị lớn đối với cộng đồng sau này); Được dùng cho những mục đích khác mà tại thời điểm hiện tại có thể chưa xác định được. Mỗi tư liệu có thể được ghi lại với một mục đích nhất định, nhưng cũng có thể sẽ được dùng để giải quyết các vấn đề khác trong tương lai.

- *Lập bản đồ*: Được tiến hành để lưu giữ tư liệu về cảnh quan văn hóa và lãnh thổ của một cộng đồng và các loại hình DSVHPVT có liên quan. Lập bản đồ cảnh quan văn hóa (và không chỉ cảnh quan lãnh thổ) liên quan đến việc xác định các nét đặc trưng hình thành nên giá trị xã hội, các chuẩn tắc, tập quán và tâm linh của một cộng đồng, và loại hình DSVHPVT có liên quan; ví dụ như các địa điểm linh thiêng, địa điểm ca múa, địa điểm hội hè, và rộng hơn là sự hiểu biết mang tính

văn hóa về các cảnh quan trên. Việc lập bản đồ có thể giúp thu thập thông tin về cách thức mà các địa phương tương tác với các loại hình DSVHPVT và có thể đem lại thông tin hữu ích về quy hoạch không gian cho các cơ quan bên ngoài, cũng như ghi lại và lưu trữ kiến thức địa phương liên quan đến một loại hình DSVHPVT cụ thể. Rộng hơn, việc lập bản đồ tạo cơ hội để công nhận rộng rãi hơn di sản văn hóa truyền miệng và di sản phi vật thể; nhờ đó có thể giải thích mối quan hệ bền chặt giữa các di sản văn hóa với lãnh thổ và các bối cảnh tài nguyên thiên nhiên, trong đó chúng xuất hiện và tồn tại, được truyền đến các thế hệ tương lai. Việc lập bản đồ cũng có thể củng cố khả năng quản lý các DSVHPVT của các cộng đồng, đồng thời khuyến khích sự tôn trọng và thấu hiểu từ các nhóm đa số trong xã hội.

## **II. KẾT QUẢ KIỂM KÊ DSVHPVT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH TỪ NĂM 2017 ĐẾN NĂM 2021**

Thái Bình là một tỉnh ven biển nằm ở phía Đông Nam của châu thổ sông Hồng miền Bắc Việt Nam. Có vị trí địa lý cách thủ đô Hà Nội 110 km về phía Đông Nam, cách thành phố Hải Phòng 70 km về phía Tây Nam. Tỉnh Thái Bình tiếp giáp với 5 tỉnh, thành phố: Hải Dương ở phía Bắc, Hưng Yên ở phía Tây Bắc, Hải Phòng ở phía Đông Bắc, Hà Nam ở phía Tây, Nam Định ở phía Tây và Tây Nam, phía Đông là biển Đông. Theo quy hoạch phát triển kinh tế, Thái Bình thuộc vùng duyên hải Bắc Bộ, nằm trong vùng ảnh hưởng của tam giác kinh tế trọng điểm Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

Tỉnh Thái Bình được thành lập ngày 21/3/1890 gồm có phủ Thái Bình, phủ Kiến Xương (tách từ tỉnh Nam Định) và huyện Thần Khê (tách từ tỉnh Hưng Yên). Ngày 28/11/1894, Toàn quyền Đông Dương cắt hai huyện Hưng Nhân và Duyên Hà thuộc phủ Tiên Hưng, tỉnh Hưng Yên sáp nhập vào tỉnh Thái Bình. Dân số trung bình toàn tỉnh khoảng 1.789,9 nghìn người chiếm hơn 8,64% so với dân số vùng châu thổ sông Hồng và khoảng 1,97% so với dân số cả nước, chủ yếu là dân tộc Kinh. Mật độ dân số trung bình 1.128 người/km<sup>2</sup>. Thái Bình có 3 tôn giáo chính được Nhà nước công nhận, hoạt động theo luật pháp và được luật pháp bảo hộ là Phật giáo, Công giáo và Tin lành.

Thái Bình là một tỉnh có truyền thống văn hoá phong phú và đa dạng. Sự đa dạng văn hoá này phản ánh lịch sử, tiến bộ và phát triển của các cộng đồng dân cư góp phần làm nên bản sắc văn hoá của dân tộc Việt Nam. Vốn là vùng đất “địa linh, nhân kiệt” gắn liền với lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Nhân dân Thái Bình tự hào đã xây đắp, hun đúc nên truyền thống văn hóa của quê hương, nơi sinh ra, nuôi dưỡng và chở che bao danh nhân, tuấn kiệt đã góp phần làm rạng danh quê hương, đất nước.

Cho đến nay, Thái Bình còn gìn giữ được một kho tàng di sản văn hóa đồ sộ với những công trình kiến trúc cổ, những lễ hội truyền thống, cùng nhiều loại hình diễn xướng dân gian mang đậm sắc thái văn hóa cổ truyền của người Việt. Đó là những di sản văn hóa phản ánh tố chất hào hoa, tinh tế của người Thái Bình. Với 2.969 di tích đã được kiểm kê, trong đó có 02 di tích quốc gia đặc biệt (Chùa Keo huyện Vũ Thư, di tích các Vua Trần huyện Hưng Hà), 119 di tích quốc gia, 594 di tích cấp tỉnh, có 11 di sản văn hóa phi vật thể được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Trong những năm qua, với sự nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa nói chung, di sản văn hóa phi vật thể nói riêng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thái Bình đã quan tâm đến công tác kiểm kê, lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể đề nghị đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia theo đúng tinh thần Thông tư số 04/2010/TT-BVHTTDL và Công văn số 2189/BVHTTDL-DSVH ngày 02 tháng 6 năm 2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc tiếp tục triển khai tổng Kiểm kê lập hồ sơ khoa học đề nghị đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia và lập dự án bảo tồn và phát huy giá trị đối với những di sản đã được nằm trong Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Để triển khai thực hiện Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có công văn số 532/BVHTTDL-DSVH ngày 02/3/2011 về việc Xây dựng kế hoạch kiểm kê DSVHPVT trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Thực hiện chỉ đạo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, ngày 08/6/2017 của UBND tỉnh Thái Bình đã ban hành Kế hoạch số 32/KH-UBND về việc Kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Từ năm 2017 đến năm 2021, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hàng năm đã xây dựng Kế hoạch, tổ chức kiểm kê trên DSVHPVT địa bàn 8 huyện/thành phố với tổng số 779 di sản đã được kiểm kê. Trong đó lễ hội truyền thống có 585 di sản (chiếm 75%), nghề thủ công truyền thống có 91 di sản (chiếm 12%), nghệ thuật trình diễn dân gian có 58 di sản (chiếm 7,5 %), tập quán xã hội và tín ngưỡng có 28 di sản (chiếm 3,4%), tri thức dân gian 17 di sản (chiếm 2,1%).

1) Thành phố Thái Bình có 25 DSVHPVT phân bố ở 14/19 xã/phường (lễ hội truyền thống có 22; nghề thủ công truyền thống có 01; nghệ thuật trình diễn dân gian có 01; tập quán xã hội 01).

2) Huyện Thái Thụy có 98 DSVHPVT phân bố ở 44/48 xã/thị trấn (lễ hội truyền thống có 82; nghề thủ công truyền thống có 13; nghệ thuật trình diễn dân

gian có 01, tập quán xã hội 02 và có 01 DSVHPVT nằm trong Danh mục Di sản Phi vật thể quốc gia).

3) Huyện Quỳnh Phụ có 168 DSVHPVT phân bố ở 38/38 xã/thị trấn (lễ hội truyền thống có 119; nghề thủ công truyền thống có 14; nghệ thuật trình diễn dân gian có 22; tri thức dân gian có 5; tập quán xã hội có 8 và có 03 DSVHPVT nằm trong Danh mục Di sản Phi vật thể quốc gia).

4) Huyện Vũ Thư có 63 DSVHPVT phân bố ở 25/30 xã/thị trấn (lễ hội truyền thống có 44; nghề thủ công truyền thống có 10; nghệ thuật trình diễn dân gian có 02; tri thức dân gian có 02; tập quán xã hội có 05 và có 02 DSVHPVT nằm trong Danh mục Di sản Phi vật thể quốc gia).

5) Huyện Hưng Hà có 140 DSVHPVT phân bố ở 35/35 xã/thị trấn (lễ hội truyền thống có 114; nghề thủ công truyền thống có 15; nghệ thuật trình diễn dân gian có 03; tri thức dân gian có 03; tập quán xã hội có 05 và có 02 DSVHPVT nằm trong Danh mục Di sản Phi vật thể quốc gia).

6) Huyện Kiến Xương có 96 DSVHPVT phân bố ở 32/33 xã/thị trấn (lễ hội truyền thống có 60; nghề thủ công truyền thống có 23; nghệ thuật trình diễn dân gian có 05; tri thức dân gian có 05; tập quán xã hội 03 di sản và có Ca trù là DSVHPVT nằm trong Danh mục Di sản Phi vật thể quốc gia, được UNESCO công nhận là DSVHPVT cần bảo vệ khẩn cấp).

7) Huyện Tiền Hải có 50 DSVHPVT phân bố ở 25/32 xã/thị trấn (lễ hội truyền thống có 39; nghề thủ công truyền thống có 06; nghệ thuật trình diễn dân gian có 04; tập quán xã hội 01 di sản).

8) Huyện Đông Hưng có 139 DSVHPVT phân bố 33/38 xã/thị trấn (lễ hội truyền thống có 105; nghề thủ công truyền thống có 09; nghệ thuật trình diễn dân gian có 20; tri thức dân gian có 2 di sản; tập quán xã hội có 3 di sản và có 02 DSVHPVT nằm trong Danh mục Di sản Phi vật thể quốc gia).

Mặc dù Ban Kiểm kê cùng với các địa phương đã nỗ lực trong việc thực hiện công tác kiểm kê DSVHPVT, song vì những nguyên nhân khách quan cũng như chủ quan, nên không tránh khỏi những thiếu sót trong quá trình nhận diện và kiểm kê một số loại hình DSVHPVT. Mặc dù vậy, kết quả kiểm kê DSVHPVT trên địa bàn tỉnh Thái Bình vẫn phản ánh một cách tổng thể diện mạo thực trạng của các loại hình di sản VHPVT tại các huyện/thành phố một cách trung thực, khách quan.

**Bảng 01: Số lượng DSVHPVT đã được kiểm kê trên địa bàn tỉnh Thái Bình  
(2017-2021)**

STT	Huyện/Thành phố	Tổng số DSVHPVT	Lễ hội TT	Nghề thủ công TT	NT trình diễn	Tiếng nói, chữ viết	Ngữ văn dân gian	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Tri thức dân gian	Năm kiểm kê
1	Quỳnh Phụ	168	119	14	22	0	0	8	05	2017
2	Thái Thụy	98	82	13	1	0	0	2	0	2017
3	TP Thái Bình	25	22	1	1	0	0	1	0	2018
4	Vũ Thư	63	44	10	2	0	0	5	2	2018
5	Hưng Hà	140	114	15	3	0	0	5	3	2019
6	Kiến Xương	96	60	23	05	0	0	3	05	2020
7	Tiền Hải	50	39	6	4	0	0	1	0	2020
8	Đông Hưng	139	105	09	20	0	0	03	02	2021
	<b>Tổng số</b>	<b>779</b>	<b>585</b>	<b>91</b>	<b>58</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>28</b>	<b>17</b>	

**Bảng 02: Thống kê loại hình DSVHPVT của các xã/thị trấn ở các huyện/thành phố của tỉnh Thái Bình (2017-2021)**

TT	Xã/thị trấn	Tổng số DSPVT	Lễ hội TT	Nghề thủ công TT	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Tri thức dân gian	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Ngữ văn dân gian	Tiếng nói chữ viết
I	<b>DSVHPVT huyện Quỳnh Phụ năm 2017</b>								
1	Quỳnh Côi	1	0	0	0	1	0	0	0
2	Quỳnh Minh	7	5	0	2	0	0	0	0
3	Quỳnh Hoa	2	2	0	0	0	0	0	0
4	Quỳnh Thọ	5	3	1	1	0	0	0	0



TT	Xã/thị trấn	Tổng số DSPVT	Lễ hội TT	Nghề thủ công TT	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Tri thức dân gian	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Ngữ văn dân gian	Tiếng nói chữ viết
5	Quỳnh Hồng	8	5	0	2	1	0	0	0
6	Quỳnh Giao	2	1	0	1	0	0	0	0
7	Quỳnh Khê	2	1	0	0	0	1	0	0
8	Quỳnh Ngọc	4	4	0	0	0	0	0	0
9	Quỳnh Lâm	1	1	0	0	0	0	0	0
10	Quỳnh Hoàng	5	1	4	0	0	0	0	0
11	Quỳnh Hội	4	1	0	2	0	1	0	0
12	An Ấp	2	1	0	1	0	0	0	0
13	An Quý	3	1	0	1	0	1	0	0
14	An Hiệp	3	2	1	0	0	0	0	0
15	An Khê	5	3	0	1	0	1	0	0
16	An Đồng	6	5	1	0	0	0	0	0
17	An Ninh	3	2	0	0	1	0	0	0
18	An Cầu	2	0	0	1	0	1	0	0
19	An Thái	3	2	0	1	0	0	0	0
20	Đông Hải	5	4	1	0	0	0	0	0
21	Quỳnh Trang	6	5	0	1	0	0	0	0
22	Quỳnh	4	3	1	0	0	0	0	0

TT	Xã/thị trấn	Tổng số DSPVT	Lễ hội TT	Nghề thủ công TT	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Tri thức dân gian	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Ngữ văn dân gian	Tiếng nói chữ viết
	Bảo								
23	Quỳnh Hưng	4	4	0	0	0	0	0	0
24	Quỳnh Xá	6	5	0	1	0	0	0	0
25	Quỳnh Nguyên	3	3	0	0	0	0	0	0
26	Quỳnh Mỹ	5	5	0	0	0	0	0	0
27	Quỳnh Sơn	6	5	0	1	0	0	0	0
28	Quỳnh Châu	5	3	1	0	1	0	0	0
29	An Vinh	3	3	0	0	0	0	0	0
30	An Lễ	5	2	0	0	1	2	0	0
31	An Bài	5	4	0	0	0	1	0	0
32	An Vũ	11	7	1	3	0	0	0	0
33	An Tràng	6	4	1	1	0	0	0	0
34	Đông Tiến	6	6	0	0	0	0	0	0
35	Thanh An	4	4	0	0	0	0	0	0
36	An Dục	4	3	1	0	0	0	0	0
37	Quỳnh Hải	5	3	0	2	0	0	0	0
38	An Mỹ	7	6	1	0	0	0	0	0
II	<b>DSVHPVT huyện Thái Thụy năm 2017</b>								

TT	Xã/thị trấn	Tổng số DSPVT	Lễ hội TT	Nghề thủ công TT	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Tri thức dân gian	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Ngữ văn dân gian	Tiếng nói chữ viết
1	Diêm Điền	3	1	1	0	0	1	0	0
2	Thụy Dân	2	1	1	0	0	0	0	0
3	Thụy Dương	1	0	1	0	0	0	0	0
4	Thụy Ninh	1	1	0	0	0	0	0	0
5	Thụy Duyên	5	2	3	0	0	0	0	0
6	Thụy Văn	2	2	0	0	0	0	0	0
7	Thụy Bình	2	2	0	0	0	0	0	0
8	Thụy Thanh	3	2	1	0	0	0	0	0
9	Thụy Phúc	1	1	0	0	0	0	0	0
10	Thụy Hà	2	2	0	0	0	0	0	0
11	Thụy Trường	1	1	0	0	0	0	0	0
12	Thụy Liên	1	1	0	0	0	0	0	0
13	Thụy Hồng	1	1	0	0	0	0	0	0
14	Thụy Việt	2	2	0	0	0	0	0	0
15	Thụy	2	2	0	0	0	0	0	0

TT	Xã/thị trấn	Tổng số DSPVT	Lễ hội TT	Nghề thủ công TT	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Tri thức dân gian	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Ngữ văn dân gian	Tiếng nói chữ viết
	Lương								
16	Thụy Dũng	3	2	1	0	0	0	0	0
17	Thụy Chính	5	4	1	0	0	0	0	0
18	Thụy Sơn	4	3	1	0	0	0	0	0
19	Thụy Phong	2	2	0	0	0	0	0	0
20	Thụy Hưng	3	3	0	0	0	0	0	0
21	Thụy Xuân	6	6	0	0	0	0	0	0
22	Thụy Trình	1	0	1	0	0	0	0	0
23	Thụy Quỳnh	7	6	0	0	0	1	0	0
24	Thụy Hải	4	2	1	1	0	0	0	0
25	Thụy An	1	1	0	0	0	0	0	0
26	Thái Thượng	3	3	0	0	0	0	0	0
27	Thái Học	1	1	0	0	0	0	0	0
28	Thái Nguyên	2	2	0	0	0	0	0	0
29	Thái Hồng	1	1	0	0	0	0	0	0
30	Thái Tân	2	2	0	0	0	0	0	0





TT	Xã/thị trấn	Tổng số DSPVT	Lễ hội TT	Nghề thủ công TT	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Tri thức dân gian	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Ngữ văn dân gian	Tiếng nói chữ viết
16	Quang Trung	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Trần Hưng Đạo	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Lê Hồng Phong	0	0	0	0	0	0	0	0
19	Phú Khánh	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>IV</b>	<b>DSVHPVT huyện Vũ Thư năm 2018</b>								
1	Hồng Lý	3	2	1	0	0	0	0	0
2	Đồng Thanh	2	0	2	0	0	0	0	0
3	Xuân Hòa	1	1	0	0	0	0	0	0
4	Song Lãng	3	2	0	0	1	0	0	0
5	Mình Lãng	4	2	1	0	0	1	0	0
6	Phúc Thành	3	2	1	0	0	0	0	0
7	Tân Hòa	1	1	0	0	0	0	0	0
8	Tân Phong	1	1	0	0	0	0	0	0
9	Mình Quang	2	2	0	0	0	0	0	0
10	Nguyễn Xá	2	1	1	0	0	0	0	0
11	Song An	4	1	0	1	1	1	0	0





TT	Xã/thị trấn	Tổng số DSPVT	Lễ hội TT	Nghề thủ công TT	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Tri thức dân gian	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Ngữ văn dân gian	Tiếng nói chữ viết
	Nghĩa								
30	Hòa Bình	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>V</b>	<b>DSVHPVT huyện Hưng Hà 2019</b>								
1	Tân Lễ	3	2	1	0	0	0	0	0
2	Bắc Sơn	3	3	0	0	0	0	0	0
3	Thái Hưng	2	2	0	0	0	0	0	0
4	Minh Hòa	3	3	0	0	0	0	0	0
5	Thái Phương	6	5	1	0	0	0	0	0
6	Kim Trung	3	3	0	0	0	0	0	0
7	Hòa Bình	1	1	0	0	0	0	0	0
8	Duyên Hải	4	3	1	0	0	0	0	0
9	Văn Cẩm	2	1	1	0	0	0	0	0
10	Tây Đô	5	3	2	0	0	0	0	0
11	Hòa Tiến	6	4	1	0	0	0	0	1
12	Văn Lang	5	5	0	0	0	0	0	0
13	Chi Lăng	7	2	3	2	0	0	0	0
14	Hưng Nhân	4	4	0	0	0	0	0	0

TT	Xã/thị trấn	Tổng số DSPVT	Lễ hội TT	Nghề thủ công TT	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Tri thức dân gian	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Ngữ văn dân gian	Tiếng nói chữ viết
15	Tân Hòa	4	2	2	0	0	0	0	0
16	Tân Tiến	2	2	0	0	0	0	0	0
17	Tiến Đức	4	2	0	0	0	1	0	1
18	Minh Khai	1	1	0	0	0	0	0	0
19	Chí Hòa	2	2	0	0	0	0	0	0
20	Độc Lập	2	2	0	0	0	0	0	0
21	Đoan Hùng	3	2	0	0	0	1	0	0
22	Phúc Khánh	7	5	1	0	0	0	1	0
23	Hồng An	4	4	0	0	0	0	0	0
24	Hưng Hà	4	4	0	0	0	0	0	0
25	Đông Đô	5	4	0	0	0	1	0	0
26	Điệp Nông	5	5	0	0	0	0	0	0
27	Hồng Minh	6	6	0	0	0	0	0	0
28	Dân Chủ	5	5	0	0	0	0	0	0
29	Hùng Dũng	5	4	0	1	0	0	0	0
30	Hồng Lĩnh	6	6	0	0	0	0	0	0
31	Thống Nhất	4	4	0	0	0	0	0	0
32	Liên	6	6	0	0	0	0	0	0

TT	Xã/thị trấn	Tổng số DSPVT	Lễ hội TT	Nghề thủ công TT	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Tri thức dân gian	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Ngữ văn dân gian	Tiếng nói chữ viết
	Hiệp								
33	Cộng Hòa	2	2	0	0	0	0	0	0
34	Canh Tân	4	1	2	0	0	0	0	1
35	Minh Tân	5	4	0	0	0	1	0	0
<b>VI</b>	<b>DSVHPVT huyện Kiến Xương năm 2020</b>								
1	Vũ Lễ	1	1	0	0	0	0	0	0
2	Bình Minh	2	1	1	0	0	0	0	0
3	Bình Nguyên	1	1	0	0	0	0	0	0
4	Bình Thanh	4	4	0	0	0	0	0	0
5	Tây Sơn	1	1	0	0	0	0	0	0
6	Kiến Xương	2	1	0	0	0	1	0	0
7	Trà Giang	1	0	0	0	0	0	0	0
8	Vũ An	1	1	0	0	0	0	0	0
9	Vũ Công	2	2	0	0	0	0	0	0
10	Vũ Ninh	3	1	2	0	0	0	0	0
11	Vũ Quý	2	1	1	0	0	0	0	0
12	Vũ Trung	2	1	1	0	0	0	0	0
13	Quang	8	5	2	0	0	1	0	0

TT	Xã/thị trấn	Tổng số DSPVT	Lễ hội TT	Nghề thủ công TT	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Tri thức dân gian	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Ngữ văn dân gian	Tiếng nói chữ viết
	Trung								
14	Quốc Tuấn	3	2	1	0	0	0	0	0
15	Thượng Hiền	3	2	1	0	0	0	0	0
16	Vũ Bình	8	6	2	0	0	0	0	0
17	An Bình	2	1	1	0	0	0	0	0
18	Bình Định	5	2	1	1	0	0	0	0
19	Đình Phùng	2	1	1	0	0	0	0	0
20	Hòa Bình	2	1	0	1	0	0	0	0
21	Hồng Tiến	3	2	1	0	0	0	0	0
22	Hồng Thái	4	1	1	1	0	0	0	0
23	Lê Lợi	2	1	1	0	0	0	0	0
24	Minh Quang	7	6	0	0	0	1	0	0
25	Minh Tân	3	3	0	0	0	0	0	0
26	Nam Bình	5	3	2	0	0	0	0	0
27	Nam Cao	2	0	1	1	0	0	0	0
28	Quang Bình	6	3	2	0	0	0	0	0

TT	Xã/thị trấn	Tổng số DSPVT	Lễ hội TT	Nghề thủ công TT	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Tri thức dân gian	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Ngữ văn dân gian	Tiếng nói chữ viết
29	Quang Lịch	3	1	1	1	0	0	0	0
30	Quang Minh	2	2	0	0	0	0	0	0
31	Vũ Hòa	3	3	0	0	0	0	0	0
32	Vũ Thắng	1	0	0	0	0	0	0	0
33	Thanh Tân	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>VII</b>	<b>DSVHPVT huyện Tiên Hải năm 2020</b>								
1	Tiên Hải	3	2	1	0	0	0	0	0
2	Đông Hoàng	1	1	0	0	0	0	0	0
3	Đông Lâm	2	2	0	0	0	0	0	0
4	Đông Phong	4	4	0	0	0	0	0	0
5	Đông Quý	3	3	0	0	0	0	0	0
6	Đông Trung	3	3	0	0	0	0	0	0
7	Nam Hưng	1	1	0	0	0	0	0	0
8	Nam Phú	4	4	0	0	0	0	0	0
9	Nam Thanh	3	1	1	1	0	0	0	0
10	Nam Thắng	1	0	0	1	0	0	0	0



TT	Xã/thị trấn	Tổng số DSPVT	Lễ hội TT	Nghề thủ công TT	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Tri thức dân gian	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Ngữ văn dân gian	Tiếng nói chữ viết
	Cường								
28	Nam Hải	0	0	0	0	0	0	0	0
29	Nam Hồng	0	0	0	0	0	0	0	0
30	Phương Công	0	0	0	0	0	0	0	0
31	Tây Giang	0	0	0	0	0	0	0	0
32	Nam Hưng	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>VIII</b>	<b>DSVHPVT huyện Đông Hưng năm 2021</b>								
1	Đông Kinh	3	3	0	0	0	0	0	0
2	Đô Lương	2	2	0	0	0	0	0	0
3	Chương Dương	5	5	0	0	0	0	0	0
4	Phú Lương	5	1	1	2	1	0	0	0
5	An Châu	1	0	0	1	0	0	0	0
6	Liên Giang	1	1	0	0	0	0	0	0
7	Đông Tân	3	2	0	1	0	0	0	0
8	Hà Giang	5	5	0	0	0	0	0	0
9	Đông Hoàng	4	4	0	0	0	0	0	0

TT	Xã/thị trấn	Tổng số DSPVT	Lễ hội TT	Nghề thủ công TT	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Tri thức dân gian	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Ngữ văn dân gian	Tiếng nói chữ viết
10	Đông Hợp	2	2	0	0	0	0	0	0
11	Minh Phú	2	1	0	1	0	0	0	0
12	Phú Châu	2	0	0	2	0	0	0	0
13	Trọng Quan	1	1	0	0	0	0	0	0
14	Hồng Giang	1	1	0	0	0	0	0	0
15	Đông La	10	7	0	0	0	3	0	0
16	Đông Phương	6	3	2	1	0	0	0	0
17	Đông Dương	2	2	0	0	0	0	0	0
18	Đông Xuân	4	3	1	0	0	0	0	0
19	Đông Xá	1	1	0	0	0	0	0	0
20	Phong Châu	3	2	0	1	0	0	0	0
21	Minh Tân	9	8	0	1	0	0	0	0
22	Mê Linh	12	9	1	2	0	0	0	0
23	Lô Giang	8	6	0	2	0	0	0	0
24	Nguyễn Xá	4	0	3	1	0	0	0	0
25	Đông	2	1	0	1	0	0	0	0



TT	Xã/thị trấn	Tổng số DSPVT	Lễ hội TT	Nghề thủ công TT	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Tri thức dân gian	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Ngữ văn dân gian	Tiếng nói chữ viết
	Các								
26	Hồng Bạch	5	4	1	0	0	0	0	0
27	Đông Cường	7	4	0	2	1	0	0	0
28	Đông Sơn	9	7	0	2	0	0	0	0
29	Liên Hoa	2	2	0	0	0	0	0	0
30	Hồng Việt	4	4	0	0	0	0	0	0
31	Thăng Long	5	5	0	0	0	0	0	0
32	Đông Á	3	3	0	0	0	0	0	0
33	Đông Quan	6	6	0	0	0	0	0	0
34	TT Đông Hưng	0	0	0	0	0	0	0	0
35	Đông Vinh	0	0	0	0	0	0	0	0
36	Hợp Tiến	0	0	0	0	0	0	0	0
37	Đông Quang	0	0	0	0	0	0	0	0
38	Đông Động	0	0	0	0	0	0	0	0

(Có Danh mục kèm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh đính kèm)

### III. THỰC TRẠNG DI SẢN VHPVT TỈNH THÁI BÌNH

#### 1. Huyện Quỳnh Phụ

Huyện Quỳnh Phụ là địa phương có nhiều di tích lịch sử văn hóa gắn liền với đời sống văn hóa vật thể và phi vật thể tiêu biểu của người Việt. Qua công tác kiểm kê DSVHPVT cho đến hiện nay trên địa bàn toàn huyện Quỳnh Phụ có 38/38 xã/thị trấn có DSVHPVT thể với tổng số 168 DSVHPVT, trong đó loại hình lễ hội truyền thống có 119 di sản (chiếm 71 %), nghề thủ công truyền thống có 14 di sản (chiếm 8,0 %), nghệ thuật trình diễn dân gian có 22 di sản (chiếm 13 %), tri thức dân gian có 5 di sản (chiếm 3,0 %), tập quán xã hội và tín ngưỡng có 8 di sản (chiếm 4,0 %).

a) Loại hình lễ hội truyền thống: Di sản VHPVT thuộc loại hình lễ hội truyền thống chiếm phần lớn, diễn ra chủ yếu vào tháng Giêng, tháng Hai, tháng Ba, tháng Tám và tháng Mười một âm lịch với 105 lễ hội chiếm 88% tổng số lễ hội diễn ra trong cả năm của huyện Quỳnh Phụ. Công tác bảo vệ và phát huy các giá trị di sản văn hóa phi vật thể của huyện Quỳnh Phụ đang được đẩy mạnh, các loại hình lễ hội dân gian, diễn xướng dân gian đã từng bước được khôi phục và phát huy. Các DSVHPVT tiêu biểu của địa phương đang được phục hồi và phát huy mạnh mẽ như lễ hội đèn A Sào của xã An Thái, hội đèn Lộng Khê của xã An Khê, hội đèn Đồng Bằng của xã An Lễ.v.v. Hàng năm vẫn được đông đảo cộng đồng nhân dân địa phương tổ chức thường xuyên.

b) Loại hình nghề thủ công truyền thống: huyện Quỳnh phụ có nhiều làng nghề truyền thống đang được bảo tồn phát triển như nghề đúc đồng của xã Quỳnh Hoàng, nghề làm bánh đa của xã Đông Hải, xã An Mỹ, nghề làm nón xã An Hiệp, nghề mây tre đan Quỳnh Bảo.

c) Loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian: có 22 di sản chiếm 13 % tổng số DSVHPVT của huyện có thể kể đến: chơi Pháo đất ở các xã Quỳnh Minh, xã An Tràng, xã An Quý, múa Bát Dật của xã An Khê, hát Tuồng, múa Đánh Gậy, múa Đuôi Bệt của xã An Vũ, hát chèo xã Quỳnh Hải, Trò sĩ, nông, công, cô xã Quỳnh Hồng, vật cầu xã Quỳnh Hội, xã Quỳnh Xá. Bên cạnh đó có một số di sản di sản thuộc loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian như múa sạp của xã An Ấp, xã Quỳnh Sơn được dân tự nguyện tiếp thu, tiếp nhận và bảo tồn trong các dịp lễ hội của cộng đồng.

d) Tri thức dân gian: có 5 di sản VHPVT chiếm 3,0 % có thể kể đến canh cá thị trấn Quỳnh Côi và chữa bệnh đông y vẫn đang được thực hiện thường xuyên.

e) Tập quán xã hội và tín ngưỡng: có 8 di sản VHPVT chiếm 4,0 % hiện đang hoạt động tốt.

Tính đến hết năm 2017 toàn huyện Quỳnh Phụ có 03 lễ hội đã được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục VHPVT Quốc gia.

Về cơ bản đa số những di sản văn hóa phi vật thể của huyện Quỳnh Phụ là nghề thủ công truyền thống và những lễ hội có quy mô nhỏ mang tính chất thôn làng đang được khôi phục và thực hành tốt. Bên cạnh đó cũng có những di sản đứng trước những nguy cơ mai một nếu không có sự can thiệp kịp thời từ chính quyền địa phương như: Hội kéo chữ (hiện có ở trong 07 xã là An Thái, Quỳnh Hội, Quỳnh Trang, Quỳnh Minh, Quỳnh Thọ, Quỳnh Hồng, Quỳnh Giao), múa Bát Dật, hội Thi lợn ở xã An Khê, vật cầu ở xã Quỳnh Xá, xã Quỳnh Hội, hát Chèo ở xã Quỳnh Hải, tục đánh gậy, hát Tuồng ở thôn Vũ Hạ, xã An Vũ. Trong quá trình tiến hành điều tra trực tiếp tại các thôn/làng chúng tôi nhận thấy, rất nhiều DSVHPVT đã bị mai một như nghề đan giành ở xã An Ninh, nghề dệt chiếu cói ở xã An Hiệp, xã An Lễ, xã An Dục, An Tràng, An Vũ. Nghề mây tre đan ở xã Quỳnh Hồng đã không còn được thực hành và duy trì trong cộng đồng.

Hiện nay những đề xuất của cộng đồng để bảo vệ và phát huy di sản văn hóa phi vật thể chủ yếu tập chung vào việc hỗ trợ kinh phí, tập huấn quản lý di sản và tạo điều kiện trong công tác tổ chức lễ hội hàng năm. Đối với những nghề thủ công, cộng đồng mong muốn được duy trì với sự hỗ trợ nhà nước về công tác quảng bá, đầu ra như nghề làm bánh đa, nghề đúc đồng, nghề dệt chiếu, nghề làm nón.v.v.

Qua kiểm kê thấy rằng những di sản mang tính nghi lễ như các lễ hội truyền thống như lễ hội làng Lộng Khê, lễ hội đền Đồng Bằng, lễ hội đền A Sào, Múa đuổi Bệt xã An Vũ, hội đền La Vân xã Quỳnh Hồng có ý nghĩa đối với cộng đồng, nên cộng đồng vẫn đang thực hành, duy trì, thì công tác bảo vệ mang tính bền vững. Những nguy cơ tác động đến sự sống còn của di sản như hiện đại hóa, công nghiệp hóa không có ảnh hưởng nhiều. Ngược lại, những DSVHPVT như các làng nghề mây tre đan, nghề dệt chiếu, nghề đan giành do bị tác động bởi hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa, hàng hóa nhập khẩu và hàng công nghiệp đã lấn át, khiến cho làng nghề truyền thống bị hạn chế đầu ra, teo nhỏ lại điều đó đã dẫn đến mai một. Một số nghề mang tính truyền thống, hội tụ nhiều tri thức dân gian, kỹ năng như nghề đúc đồng làng An Lộng xã Quỳnh Hoàng, nghề làm bánh đa làng Dụ Đại xã Đông Hải, nghề trồng dâu nuôi tằm thôn Hồng Thái, xã Quỳnh Thọ rất cần có sự quan tâm của chính quyền các cấp, hiệp hội làng nghề để hỗ trợ các hộ gia đình, các nghệ nhân trong việc duy trì nghề và trao truyền lại cho thế hệ trẻ để phát triển được làng nghề trong tương lai.

## **2. Huyện Thái Thụy**

Kết quả kiểm kê DSVHPVT trên địa bàn huyện Thái Thụy có 44/48 xã/thị trấn có di sản văn hóa phi vật thể với tổng số 98 DSVHPVT, trong đó lễ hội truyền thống có 82 di sản (chiếm 84%), nghề thủ công truyền thống có 13 di sản

(chiếm 13 %), nghệ thuật trình diễn dân gian có 01 di sản (chiếm 1,0%), tập quán xã hội và tín ngưỡng 2 di sản (chiếm 2,0%). Trong đó có 01 di sản được ghi vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia.

Các DSVHPVT tiêu biểu của địa phương đang được phục hồi và phát huy mạnh mẽ như lễ hội đền Hét của xã Thái Thượng, hội bơi Chải ở thị trấn Diêm Điền, hội làng Lễ Cù xã Thụy Duyên, hội đền Hệ xã Thụy Ninh, hội đền Phố Dâu xã Mỹ Lộc, hội làng Quang Lang, hội miếu Ba Thôn xã Thụy Hải.v.v., đã được chính quyền địa phương quan tâm, hỗ trợ, cộng đồng tham gia hành hội, trao truyền, đóng góp, được các cơ quan, ban ngành, các tổ chức phi quan phương, tổ chức phi chính phủ hỗ trợ kinh phí để tổ chức lễ hội hàng năm. Bên cạnh đó có những làng nghề truyền thống đang được bảo tồn phát triển như nghề làm hương Lai Triều xã Thụy Dương, nghề rèn làng An Tiêm xã Thụy Dân, nghề làm muối xã Thụy Hải, nghề đan manh xã Thụy Duyên..v.v.

a) Loại hình lễ hội truyền thống: Di sản VHPVT thuộc loại hình lễ hội truyền thống chiếm phần lớn 84%. Các lễ hội chủ yếu diễn ra vào tháng Giêng, tháng Hai, tháng Ba, tháng Bảy và tháng Tám âm lịch với 63 lễ hội, chiếm 77% tổng số lễ hội diễn ra trong cả năm của huyện Thái Thụy. Năm 2016 lễ hội làng Quang Lang xã Thụy Hải đã được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục VHPVT Quốc gia theo Quyết định số 4036/QĐ-BVHTTDL ngày 21 tháng 11 tháng 2016.

Về cơ bản đa số những di sản văn hóa phi vật thể của huyện Thái Thụy là những lễ hội có quy mô nhỏ mang tính chất thôn làng đang được khôi phục và thực hành tốt. Bên cạnh đó cũng có những lễ hội đứng trước những nguy cơ mai một nếu không có sự can thiệp kịp thời từ chính quyền địa phương như: Hội đền Tứ Xá xã Thụy Việt, hội đền Bến Trán, hội đền Xá Thị của xã Thụy Hưng, hội đình Nghĩa Phong xã Thái Thành.

b) Nghề thủ công truyền thống: Trong quá trình tiến hành kiểm kê tại các thôn/làng chúng tôi nhận thấy, rất nhiều DSVHPVT đã bị mai một như nghề rèn ở thôn Cao Dương, nghề trồng mía ở thôn Thu Cúc xã Thụy Hưng, nghề dệt chiếu ở thôn Hóa Tài xã Thụy Duyên, nghề trồng dâu nuôi tằm ở thôn An Cúc, xã Thụy Việt, nghề mây tre đan của thôn Hòa Nha xã Thụy Chính, tục thi lợn 'hồng' trong lễ hội đền Hệ xã Thụy Ninh, tục vật cầu trong lễ hội đình Lạng, xã Thụy Chính cũng không còn được thực hành và duy trì trong cộng đồng. Những đề xuất của cộng đồng nói chung về vấn đề bảo vệ di sản như; hỗ trợ kinh phí, tạo điều kiện trong công tác tổ chức lễ hội hàng năm. Đối với những nghề thủ công, cộng đồng mong muốn được duy trì với sự hỗ trợ nhà nước về công tác quảng bá, đầu ra như

nghề đan vó, nghề đan mây, nghề làm muối.v.v.

c) Loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian: có 01 di sản (chiếm 1,0%) vẫn được cộng đồng duy trì thường xuyên.

d) Loại hình tập quán xã hội và tín ngưỡng: 2 di sản (chiếm 2,0%) đang được thực hành thường xuyên.

Qua công tác kiểm kê cũng thấy rằng những di sản mang tính nghi lễ như các lễ hội truyền thống, các tập tục như tục Ông Đùng Bà Đùng mang tính phần thực cao, ý nghĩa của nó đối với cộng đồng, những người thực hành vẫn được duy trì, thì công tác bảo vệ mang tính bền vững. Những nguy cơ tác động đến sự sống còn của di sản như hiện đại hóa, công nghiệp hóa không có ảnh hưởng nhiều. Ngược lại, những DSVHPVT như các làng nghề mây tre đan, nghề đan nón do bị tác động bởi hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa, hàng hóa nhập khẩu và hàng công nghiệp đã lấn át, khiến cho làng nghề truyền thống bị hạn chế đầu ra, teo nhỏ lại. Vấn đề duy trì và phát triển những làng nghề này là một nhiệm vụ của ngành văn hóa. Một số làng nghề mang tính truyền thống, hội tụ nhiều tri thức dân gian, kỹ năng như nghề rèn An Tiêm, nghề hương Lai Triều rất cần có sự quan tâm của chính quyền các cấp, hiệp hội làng nghề để hỗ trợ các hộ gia đình, các nghệ nhân duy trì nghề và trao truyền cho thế hệ trẻ.

### 3. Thành phố Thái Bình

Thành phố có 108 các thiết chế, di tích lịch sử văn hóa bước đầu đã được kiểm kê tính đến năm 2018. Thành phố có 32 di tích được xếp hạng cấp tỉnh, 03 di tích được xếp hạng cấp quốc gia. Công tác bảo vệ và phát huy các giá trị di sản văn hóa phi vật thể của thành phố Thái Bình đang được đẩy mạnh, các loại hình lễ hội dân gian, di sản xướng dân gian đã từng bước được khôi phục và phát huy.

Qua công tác kiểm kê đến tháng 06 năm 2018 trên địa bàn toàn thành phố Thái Bình có 14/19 xã/phường có di sản văn hóa phi vật thể với tổng số 25 DSVHPVT, trong đó lễ hội truyền thống có 22 di sản (chiếm tỉ lệ 91%), nghề thủ công truyền thống có 01 di sản (chiếm 3 %), nghệ thuật trình diễn dân gian có 01 di sản (chiếm 3 %), tập quán xã hội và tín ngưỡng 01 di sản (chiếm 3%).

a) Loại hình lễ hội truyền thống: trên địa bàn thành phố Thái Bình chủ yếu tổ chức trong các đình, đền, lăng, miếu phần lớn gắn liền với ngày sinh, ngày hóa của các vị Thành hoàng làng (có thể là nhân thân/thiên thần). Thời gian diễn ra lễ hội nhiều nhất vào tháng Giêng, tháng Hai, tháng Ba, tháng Tám và tháng Chín với 21 lễ hội chiếm 95,4% tổng số lễ hội diễn ra trong cả năm của thành phố Thái Bình. Một số lễ hội của thành phố Thái Bình đang được phục hồi và phát huy mạnh mẽ như hội Đền Quan phường Hoàng Diệu, hội Đền Đông Hải xã Đông Thọ, hội đình

Đông Trì xã Vũ Đông, hội đình Tổng Thờ xã Đông Mỹ, bên cạnh đó là những lễ hội có quy mô thôn/tổ dân phố hàng năm vẫn được đông đảo cộng đồng nhân dân địa phương tổ chức thường xuyên.

Quy mô tổ chức lễ hội thường chỉ ở quy mô cấp khu phố/thôn làng. Hình thức tổ chức lễ hội mang nhiều yếu tố chung, cộng đồng trực tiếp tham gia vào tế lễ, hành hội, các hoạt động rước, vui chơi giải trí. Các cấp chính quyền chỉ đạo, định hướng và hỗ trợ cộng đồng. Do vậy, các hình thức riêng của từng lễ hội bị mờ nhạt và có xu hướng “bất chước” mô hình tổ chức khá giống nhau giữa các khu phố/thôn làng làm mất đi bản sắc riêng của mỗi lễ hội. Ngày nay, những nguy cơ tác động đến sự sống còn của di sản như hiện đại hóa, công nghiệp hóa ảnh hưởng khá lớn đến việc tổ chức lễ hội. Đó là thanh niên, lớp trẻ ở lại làng không nhiều, vì thế việc duy trì, tổ chức, trao truyền bị ảnh hưởng nhiều. Điều này cần có nhận thức đầy đủ để cộng đồng làng xã có những biện pháp kêu gọi những người trẻ xa quê và những thế hệ thứ hai, thứ ba ở xa quê quay trở lại quê hương vào dịp lễ hội.

b) Loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian: Nghệ thuật trình diễn dân gian còn lại rất ít, trên địa bàn thành phố Thái Bình hiện nay chỉ có 01 di sản thuộc loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian được kiểm kê đó là Chiếu chèo xã Đông Thọ chiếm 4,2% trong tổng số các di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn thành phố. Trong khi đó các bài bản làn điệu, loại hình trình diễn này cũng đang ngày dần mai một. Các loại hình di sản này cần có sự đầu tư về tài chính, nguồn lực để đảm bảo di sản được trao truyền và có sức sống mạnh mẽ trong hiện tại và tương lai.

c) Nghề thủ công truyền thống: có 01 nghề thủ công truyền thống được kiểm kê là nghề mây tre đan của phường Trần Lãm chiếm 4,2 % DSVHPVT của thành phố. Qua kiểm kê cho thấy có 01 nghề thủ công nằm trong tình trạng cần được bảo vệ khẩn cấp ít người còn thực hành và đã không còn được tiếp tục thực hành nữa đó là nghề làm giấy dó của xã Đông Thọ. Đối với nghề thủ công, cộng đồng mong muốn được duy trì với sự hỗ trợ nhà nước về công tác quảng bá, đầu ra cho sản phẩm. Nghề mây tre đan, nghề làm giấy dó bị tác động bởi hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa, hàng hóa nhập khẩu và hàng công nghiệp đã lấn át, khiến cho làng nghề truyền thống bị hạn chế đầu ra, teo nhỏ lại điều đó đã dẫn đến mai một. Để duy trì và phát triển những làng nghề này là một nhiệm vụ của ngành văn hóa nói riêng và của toàn hệ thống chính trị nói chung. Đối với các nghề thủ công, các cấp chính quyền cần quan tâm hơn nữa trong việc hỗ trợ cộng đồng làm sản phẩm, cho vay vốn, và tìm đầu ra. Bảo vệ các nghề thủ công không chỉ là các kỹ thuật, thao tác, quy trình làm ra sản phẩm, mà còn những tri thức văn hóa gắn với nghề như các mẫu mã truyền thống, các đồ dùng truyền thống.

d) Nghệ thuật trình diễn dân gian: có 01 di sản chiếm tỉ lệ 3 % vẫn đang được duy trì.

e) Tập quán xã hội và tín ngưỡng: có 01 di sản chiếm tỉ lệ 3% vẫn được thực hành thường xuyên.

Qua công tác kiểm kê thấy rằng những di sản lễ hội truyền thống vẫn là một lĩnh vực di sản phổ biến trong các thôn làng/tổ dân phố là nét đẹp văn hóa truyền thống. Lễ hội như là sợi dây kết nối cộng đồng, bà con, thể hiện những truyền thống tốt đẹp, uống nước nhớ nguồn. Lễ hội vừa mang tính tâm linh, vừa mang tính vui chơi giải trí, là nguồn cội, là tinh thần và luôn được cộng đồng tham gia nhiệt tình để đảm bảo sức sống của chúng. Các di sản thuộc lĩnh vực nghệ thuật trình diễn và tri thức dân gian, tập quán xã hội thì mang tính khẩn cấp và cần được sự quan tâm, hỗ trợ của nhà nước, của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương. Những loại hình di sản này cần có sự hỗ trợ và vào cuộc để nghệ nhân có thể trao truyền cho thế hệ trẻ, để duy trì và lưu giữ cho tương lai. Các làng nghề truyền thống cũng cần được sự hỗ trợ của chính quyền, của các đoàn thể để người dân sống bằng nghề, và cũng để duy trì, phổ biến tri thức dân gian đã được tích lũy hàng trăm năm. Nghề thủ công có thể là những loại mặt hàng thủ công mỹ nghệ đáp ứng cuộc sống đời thường, thực hành nghi lễ, cũng có thể là món ăn đặc sản. Vì vậy, các loại hình này cần được sự quan tâm, vào cuộc để duy trì và phát huy trong cuộc sống hàng ngày và trong cuộc sống tinh thần.

#### 4. Huyện Vũ Thư

Kết quả kiểm kê trên địa bàn toàn huyện Vũ Thư có 25/30 xã/thị trấn có di sản văn hóa phi vật thể với tổng số 63 DSVHPVT, trong đó lễ hội truyền thống có 44 di sản (chiếm tỉ lệ 70 %), nghề thủ công truyền thống có 10 di sản (chiếm 16 %), nghệ thuật trình diễn dân gian có 2 di sản (chiếm 3 %), tri thức dân gian có 2 di sản (chiếm 3 %), tập quán xã hội và tín ngưỡng có 5 di sản (chiếm 8 %). Có 02 DSVHPVT ghi vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

a) Loại hình lễ hội truyền thống: trên địa bàn huyện Vũ Thư chủ yếu tổ chức trong các đình, đền, lăng, miếu phần lớn gắn liền với ngày sinh, ngày hóa của các vị Thành hoàng làng (có thể là nhân thân/thiên thần). Thời gian diễn ra lễ hội truyền thống diễn ra chủ yếu vào tháng Giêng (14 lễ hội), tháng Hai (11 lễ hội), tháng Ba (09 lễ hội) với tổng số 34/44 lễ hội chiếm 77,2% tổng số lễ hội diễn ra trong cả năm của huyện Vũ Thư.

Trong những năm qua, các loại hình DSVHPVT tiêu biểu của huyện Vũ Thư đang được phục hồi và phát huy mạnh mẽ như lễ hội Chùa Keo của xã Duy Nhất, hội Sáo đền và tục thả Diều sáo của xã Song An, hội đền Thượng và tục làm cỗ

chay xã Song Lãng, hội Vạn Xuân xã Xuân Hòa, hội đền chùa Phượng Vũ xã Minh Khai, hội làng Huyền Sĩ, hội đình La Uyên của xã Minh Quang, hội miếu Giai xã Minh Lãng là những lễ hội có lịch sử lâu đời, đa dạng về sắc thái, độc đáo về giá trị hàng năm vẫn được đông đảo cộng đồng nhân dân địa phương tổ chức tạo nên bản sắc văn hóa riêng biệt của huyện Vũ Thư.

Quy mô tổ chức lễ hội thường chỉ ở quy mô cấp thôn làng, nhưng cũng có lễ hội diễn ra với quy mô hàng tổng trước kia như hội miếu Giai, hội chùa Keo của huyện Vũ Thư. Tuy nhiên, ngày nay, bà con ở các làng xã bên cạnh cũng tích cực tham gia, làm lễ cúng tại cơ sở thờ tự. Điều này làm tăng thêm mối giao hòa giữa các cộng đồng làng xã. Hình thức tổ chức lễ hội mang nhiều yếu tố chung, cộng đồng trực tiếp tham gia vào tế lễ, hành hội, các hoạt động rước, vui chơi giải trí. Các cấp chính quyền chỉ đạo, định hướng và hỗ trợ cộng đồng. Bởi, lễ hội như là sợi dây kết nối cộng đồng, bà con, thể hiện những truyền thống tốt đẹp, uống nước nhớ nguồn. Lễ hội vừa mang tính tâm linh, vừa mang tính vui chơi giải trí, là nguồn cội, là tinh thần, và luôn được cộng đồng tham gia nhiệt tình để đảm bảo sức sống của chúng.

b) Nghệ thuật trình diễn dân gian: loại hình này đang đứng trước thực trạng đáng báo động, trên địa bàn huyện Vũ Thư có 02 di sản (chiếm 3,2%) là múa Lân của xã Việt Hùng, thả diều sáo của xã Song An. Trong khi đó các bài bản làn điệu, loại hình trình diễn cũng bị mai một dần đi. Các di sản thuộc lĩnh vực nghệ thuật trình diễn và tri thức thì mang tính khẩn cấp và cần được sự quan tâm, hỗ trợ của nhà nước, của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương. Những loại hình di sản này cần có sự hỗ trợ và vào cuộc để nghệ nhân có thể trao truyền cho thế hệ trẻ, để duy trì và lưu giữ cho tương lai.

c) Nghề thủ công truyền thống: cũng gặp không ít khó khăn, huyện Vũ Thư có 10 di sản (chiếm 16,7%) chủ yếu là nghề mây tre đan, nghề làm bún, nấu rượu, nghề thêu. Các làng nghề truyền thống đang được bảo tồn phát triển như nghề thêu xã Minh Lãng, nghề đan tre xã Phúc Thành, nghề làm cốm xã Đồng Thanh, nghề Mộc xã Nguyên Xá, trồng dâu nuôi tằm xã Hồng Phong, nghề nấu rượu xã Vũ Tiến, nghề làm nem nắm của xã Bách Thuận đã góp phần vào sự phát triển bền vững của huyện Vũ Thư. Bên cạnh những nghề thủ công phát triển tốt, nhiều nghề thủ công nằm trong tình trạng cần được bảo vệ khẩn cấp ít người còn thực hành, hay đã không còn được tiếp tục thực hành nữa như nghề đan của xã Nguyên Xá.

Đối với những nghề thủ công, cộng đồng mong muốn được duy trì với sự hỗ trợ nhà nước về công tác quảng bá, đầu ra như nghề thêu, nghề làm cốm rất



cần có sự quan tâm của chính quyền các cấp, hiệp hội làng nghề để hỗ trợ các hộ gia đình, các nghệ nhân trong việc duy trì nghề và trao truyền lại cho thế hệ trẻ để phát triển được làng nghề trong tương lai. Các làng nghề truyền thống cũng cần được sự hỗ trợ của chính quyền, của các đoàn thể để người dân sống bằng nghề, và cũng để duy trì, phổ biến tri thức dân gian đã được tích lũy hàng trăm năm. Các nghề thủ công có thể là những loại mặt hàng thủ công mỹ nghệ đáp ứng cuộc sống đời thường, thực hành nghi lễ, cũng có thể là món ăn đặc sản.

d) Tập quán xã hội và tín ngưỡng có 5 di sản (chiếm 8 %), các tập quán này gắn với việc thờ tự, đồng thời cũng là nghề thủ công làm thực phẩm, món ăn truyền thống, phụ vụ nghi lễ như tục giã bánh dày. Nghề và tập tục này cần được quan tâm, trao truyền cho thế hệ trẻ nhằm bảo vệ sức sống của các di sản này. Bên cạnh đó còn có thực hành tín ngưỡng thờ mẫu đang được thực hành thường xuyên tại xã Tân Lập.

e) Tri thức dân gian trên địa bàn huyện Vũ Thư có 02 di sản (chiếm 3,3%) đó là tục làm cỗ chay xã Song Lãng và chữa bệnh đông y của thầy lang Khánh xã Song An vẫn được bảo tồn và thực hành thường xuyên. Những di sản này cần được quan tâm, trao truyền cho lớp trẻ, mà coi như là những di sản cần bảo vệ khẩn cấp và chúng cần được sự hỗ trợ từ phía chính quyền, các đoàn thể để di sản được sống và được lưu truyền giữa các thế hệ.

### **5. Huyện Hưng Hà**

Huyện Hưng Hà có nhiều di tích lịch sử văn hóa gắn liền với đời sống văn hóa vật thể và phi vật thể tiêu biểu của người Việt. Theo Danh Mục kiểm kê di tích của huyện Hưng Hà năm 2018 toàn huyện có 598 di tích lịch sử văn hóa bước đầu đã được kiểm kê trong đó chùa có 183 di tích, đình 156 di tích, đền 107 di tích, miếu 75 di tích, từ đường 41 di tích, lăng mộ 11 di tích, địa điểm lịch sử 02 di tích và các thiết chế khác là 29 di tích. Trong những năm qua công tác bảo vệ và phát huy các giá trị di sản văn hóa phi vật thể của địa phương đang được đẩy mạnh, các loại hình lễ hội dân gian, diễn xướng dân gian đã từng bước được khôi phục và phát huy.

Kết quả kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn toàn huyện Hưng Hà có 35/35 xã/thị trấn có di sản văn hóa phi vật thể với tổng số 140 DSVHPVT, trong đó lễ hội truyền thống có 114 di sản (chiếm tỉ lệ 81 %), nghề thủ công truyền thống có 15 di sản (chiếm 11 %), nghệ thuật trình diễn dân gian có 3 di sản (chiếm 2 %), tri thức dân gian có 3 di sản (chiếm 2,0 %), tập quán xã hội có 5 di sản (chiếm 4 %), 02 lễ hội truyền thống được ghi vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

a) Loại hình lễ hội truyền thống: huyện Hưng Hà có 114 di sản văn hóa phi vật thể thuộc loại hình lễ hội truyền thống chiếm 84% tổng số di sản văn hóa phi vật thể của toàn huyện. Trong hệ thống di sản văn hóa phi vật thể này, có 2 lễ hội đã được đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia đó là lễ hội đền Trần Thái Bình ở xã Tiến Đức (Quyết định số 231/QĐ-BVHTTDL ngày 27/01/2014) và lễ hội đền Tiên La ở xã Đoan Hùng (Quyết định số 1437/QĐ - BVHTTDL ngày 15/4/2016).

Một đặc điểm dễ nhận thấy đó là các lễ hội trên địa bàn huyện Hưng Hà được tổ chức tại các đình, đền, lăng, miếu, chùa của các làng phần lớn gắn liền với ngày sinh, ngày hóa của các vị Thành hoàng làng (có thể là nhân thân/thiên thần), khoảng thời gian diễn ra nhiều nhất vào tháng Giêng, tháng Hai, tháng Ba và tháng Mười Một chiếm đến hơn 90 %. Quy mô tổ chức lễ hội thường chỉ ở quy mô cấp thôn/ làng. Nhiều lễ hội của một xã tập trung trong cùng một ngày như hội đình Cặp, hội miếu Thánh Cả, hội làng Nhân Phú, hội làng Hà Lý của xã Hùng Dũng đều tổ chức từ ngày mùng 10 đến ngày 15 tháng 11. Bên cạnh đó huyện Hưng Hà cũng có nhiều lễ hội diễn ra tại chùa như xã Hồng Lĩnh có 03 lễ hội tổ chức tại các ngôi chùa của các làng. Hình thức tổ chức lễ hội của xã trong địa bàn huyện mang nhiều yếu tố chung, cộng đồng trực tiếp tham gia vào tế lễ, hành hội, các hoạt động rước, vui chơi giải trí. Các cấp chính quyền chỉ đạo, định hướng và hỗ trợ cộng đồng. Do vậy, các hình thức riêng của từng lễ hội bị mờ nhạt, mô hình tổ chức khá giống nhau giữa các khu phố/thôn làng.

Trong những năm gần đây DSVHPVT thuộc loại hình lễ hội truyền thống của huyện Hưng Hà đang được phục hồi và phát huy mạnh mẽ như lễ hội đền Tiên La của xã Đoan Hùng, hội làng Khuốc, làng Ngừ của xã Liên Hiệp, hội làng Duyên Nông của xã Diệp Nông, hội làng Thanh Triều xã Tân Lễ, hội làng Khả xã Duyên Hải, hội đền Buộm xã Tân Tiên, hội đền Bùi Xá của xã Tân Lễ, hội đền Trần xã Tiến Đức, hội giao Chạ Vân Đài - Tam Đường xã Chí Hòa, hội Long Vân của xã Độc Lập... là những lễ hội có lịch sử lâu đời, đa dạng về sắc thái, độc đáo về giá trị hàng năm vẫn được đông đảo cộng đồng nhân dân địa phương tổ chức tạo nên bản sắc văn hóa riêng của huyện Hưng Hà.

b) Loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian: Thực trạng đáng báo động là các loại hình nghệ thuật diễn xướng dân gian còn lại rất ít, trên địa bàn huyện Hưng Hà hiện nay chỉ có 03 di sản thuộc loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian được kiểm kê đó là trò chơi Pháo đất, hát Chèo của xã Chi Lăng và nghi lễ thờ Tam tú phủ xã Hùng Dũng chiếm 2,0% trong tổng số các di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn huyện Hưng Hà. Trong đợt kiểm kê tháng 10 năm 2019 cũng đã ghi nhận sự mai một của trò múa Phỗng làng Đìa xã Hồng An. Những di sản thuộc loại

hình nghệ thuật trình diễn dân gian như hát Chèo cũng đang đứng trước nguy cơ dần mai một do các bài bản dần điệu và môi trường trình diễn ngày càng thu hẹp. Do đó các loại hình di sản thuộc loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian cần có sự đầu tư về tài chính, nguồn lực để đảm bảo di sản được trao truyền và có sức sống mạnh mẽ trong hiện tại và tương lai.

c) Nghề thủ công: Trên địa bàn huyện Hưng Hà có 14 di sản (chiếm 11%) trong đó chủ yếu là nghề dệt chiếu cói (xã Tân Lễ, xã Canh Tân), nghề đan tre (xã Văn Cẩm, xã Tây Đô), nghề mộc (xã Hòa Tiến, xã Tân Hòa), nghề dệt khăn (xã Thái Phương), nghề làm cốm (xã Chi Lăng), nghề tráng bánh đa (xã Tân Hòa), nghề làm hương đen (xã Duyên Hải) góp phần vào sự phát triển bền vững của huyện Hưng Hà. Bên cạnh những nghề thủ công phát triển tốt, nhiều nghề thủ công nằm trong tình trạng cần được bảo vệ khẩn cấp ít người còn thực hành nghề đan, nghề làm hương.v.v. Trong đó nghề mây tre đan ở xã Độc Lập, nghề dệt chiếu xã Tân Lễ đến nay đã mai một do không thị trường tiêu thụ suy giảm và không còn người sản xuất. Đối với nghề mây tre đan và nghề dệt chiếu cói cộng đồng mong muốn được sự hỗ trợ của nhà nước về công tác quảng bá và tìm đầu ra cho sản phẩm để hỗ trợ các hộ gia đình, các nghệ nhân trong việc duy trì nghề và trao truyền lại cho thế hệ trẻ để phát triển được làng nghề trong tương lai. Bởi để duy trì và phát triển những làng nghề này là một nhiệm vụ của ngành văn hóa nói riêng và của toàn hệ thống chính trị nói chung. Đối với các nghề thủ công, các cấp chính quyền cần quan tâm hơn nữa trong việc hỗ trợ cộng đồng làm sản phẩm, cho vay vốn, và tìm đầu ra. Bảo vệ các nghề thủ công không chỉ là các kỹ thuật, thao tác, quy trình làm ra sản phẩm, mà còn những tri thức văn hóa gắn với nghề như các mẫu mã truyền thống, các đồ dùng truyền thống.

d) Loại hình tập quán xã hội và tín ngưỡng: có 5 di sản (chiếm 4 %) tục giã bánh dày của xã Phúc Khánh, tín ngưỡng thờ mẫu ở các xã Đoan Hùng, Tiến Đức, Minh Tân, Đông Đô vẫn đang được cộng đồng bảo tồn gìn giữ.

e) Loại hình tri thức dân gian: có 3 di sản đó là Chữa bệnh mụn nhọt, hạch, đầu đinh của nhà bà Nguyễn Thị Lan (xã Hòa Tiến), làm Cổ Cá (xã Tiến Đức), Chữa bệnh đau mắt gia truyền của nhà ông Phạm Xuân Đình (xã Canh Tân) chiếm 3,0 % trong tổ số di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn huyện Hưng Hà đã được kiểm kê.

Qua kiểm kê thấy rằng những di sản lễ hội truyền thống vẫn là một lĩnh vực di sản phổ biến trong các thôn làng/tổ dân phố là nét đẹp văn hóa truyền thống. Lễ hội như là sợi dây kết nối cộng đồng, bà con, thể hiện những truyền thống tốt đẹp, uống nước nhớ nguồn. Lễ hội vừa mang tính tâm linh, vừa mang tính vui chơi giải trí, là nguồn cội, là tinh thần và luôn được cộng đồng tham gia nhiệt tình để đảm

bảo sức sống của chúng. Cho đến nay, cộng đồng ở trong 35 xã/thị trấn của huyện Hưng Hà vẫn đều mong muốn được tham gia trực tiếp thực hành các công việc được phân công trong lễ hội. Tuy nhiên, các hình thức tổ chức sinh hoạt và thực hành lễ hội lại diễn ra đa dạng, một số hình thức hoạt động đòi hỏi có sự trao truyền và tập luyện công phu lại có phần chưa được quan tâm. Ví như những người nắm giữ nghi lễ tham gia thực hành tế, những người giữ bí quyết làm cỗ cá.v.v. Hiện nay, lớp trẻ do nhiều yếu tố khách quan đã không có ý thức học hỏi để nắm các bí quyết thực hành và tham dự các trò chơi truyền thống trong lễ hội. Do vậy, không ít các nghi thức tế lễ đã bị giản lược điều đó vô hình chung làm giảm đi tính thiêng liêng và không khí của ngày hội. Các di sản thuộc lĩnh vực nghệ thuật trình diễn và tri thức dân gian, tập quán xã hội thì mang tính khẩn cấp và cần được sự quan tâm, hỗ trợ của nhà nước, của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương. Những loại hình di sản này cần có sự hỗ trợ và vào cuộc để nghệ nhân có thể trao truyền cho thế hệ trẻ, để duy trì và lưu giữ cho tương lai. Các làng nghề truyền thống cũng cần được sự hỗ trợ của chính quyền, của các đoàn thể để người dân sống bằng nghề, và cũng để duy trì, phổ biến tri thức dân gian đã được tích lũy hàng trăm năm. Nghề thủ công có thể là những loại mặt hàng thủ công mỹ nghệ đáp ứng cuộc sống đời thường, thực hành nghi lễ, cũng có thể là món ăn đặc sản. Vì vậy, các loại hình này cần được sự quan tâm, vào cuộc để duy trì và phát huy trong cuộc sống hàng ngày và trong cuộc sống tinh thần.

## **6. Huyện Kiến Xương**

Huyện Kiến Xương có nhiều di tích lịch sử văn hóa gắn liền với đời sống văn hóa vật thể và phi vật thể tiêu biểu của người Việt. Theo Danh Mục kiểm kê di tích của huyện Kiến Xương năm 2018 toàn huyện có 314 di tích lịch sử văn hóa bước đầu đã được kiểm kê trong đó chùa có 98 di tích, đình 71 di tích, đền 32 di tích, miếu 33 di tích, từ đường 73 di tích, lăng mộ 03 di tích, địa điểm lịch sử 01 di tích và các thiết chế khác có 03 di tích.

Kết quả kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn huyện Kiến Xương có 32/33 xã/thị trấn có di sản văn hóa phi vật thể với tổng số 96 DSVHPVT, trong đó lễ hội truyền thống có 60 di sản (chiếm tỉ lệ 62 %), nghề thủ công truyền thống có 23 di sản (chiếm tỉ lệ 23 %), nghệ thuật trình diễn dân gian có 05 di sản (chiếm tỉ lệ 5,0 %), tri thức dân gian có 5 di sản (chiếm tỉ lệ 5,0 %), tập quán xã hội và tín ngưỡng có 3 di sản (chiếm tỉ lệ 3.1 %).

a) Loại hình lễ hội truyền thống: huyện Kiến Xương có 60 di sản văn hóa phi vật thể thuộc loại hình lễ hội truyền thống chiếm 62% tổng số di sản văn hóa phi vật thể của toàn huyện. Một đặc điểm dễ nhận thấy đó là các lễ hội trên địa bàn

huyện Kiến Xương được tổ chức tại các đình, đền, miếu, chùa của các làng phần lớn gắn liền với ngày sinh, ngày hóa của các vị Thành hoàng làng (có thể là nhân thân/thiên thân), khoảng thời gian diễn ra nhiều nhất vào tháng Giêng, tháng Hai, tháng Ba và tháng Tám chiếm đến hơn 80%.

Quy mô tổ chức lễ hội thường chỉ ở quy mô cấp thôn/ làng. Nhiều lễ hội của một xã tập trung trong cùng một ngày như hội làng Điện Biên, Hội làng Lập Ấp, Hội làng Đa Cốc, Hội đình Thái Công của xã Bình Thanh đều tổ chức từ ngày 14 đến ngày 16 tháng 2 âm lịch, hội làng Lai Vi, hội làng Lai Thành của xã Quang Minh đều tổ chức từ ngày 14 đến ngày 15 tháng 3 âm lịch. Huyện Kiến Xương chỉ có 02 lễ hội diễn ra tại chùa đó là hội đền - chùa Vĩnh Quang cả xã Bình Định và hội chùa Bảo Trai của xã Vũ Quý. Hình thức tổ chức lễ hội của xã trong địa bàn huyện mang nhiều yếu tố chung, cộng đồng trực tiếp tham gia vào tế lễ, hành hội, các hoạt động rước, vui chơi giải trí. Các cấp chính quyền xã/thôn chỉ đạo, định hướng và hỗ trợ cộng đồng. Lễ hội trên địa bàn huyện Kiến Xương có một đặc điểm chung đó là các nghi lễ rước kiệu trong các lễ hội thường đi quanh làng sau đó trở về đình, miếu nơi tổ chức lễ hội để tiến hành các nghi lễ tế lễ.

Bên cạnh đó có một số lễ hội sau khi phục dựng đã có sự thay đổi ngày tổ chức lễ hội như: Hội đình Thái Công xã Vũ Công xưa lễ hội được tổ chức vào ngày 15 tháng Giêng, đến năm 2003 sau khi được công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh nhân dân làng Thái Công đã lấy ngày 16 tháng 2 là ngày tổ chức lễ hội hằng năm. Hội đình Cả xã Vũ Trung trước được tổ chức vào ngày 12 tháng 5 âm lịch, từ năm 2019 nhân dân đã chuyển sang tổ chức lễ hội từ ngày mùng 10 đến ngày 11 tháng 2 âm lịch. Hội đình Cao Bạt Trung xã Đình Phùng từ năm 2017 theo nguyện vọng của nhân dân, lễ hội được tổ chức từ ngày 11 đến 13 tháng Tám. Trong quá trình điều tra cũng ghi nhận trên địa bàn xã Vũ Thắng trước năm 1945 có 2 kỳ lễ hội vào ngày rằm tháng Giêng và rằm tháng Bảy âm lịch có rước thần lên đền Sóc Lang của xã Đông Vinh để tế lễ sau đó rước về đình nhưng ngày nay đã bị mai một hoàn toàn. Trong hội đình Nam xã Thượng Hiền ngày nay cũng đã mai một nghi lễ rước kiệu.

Lễ hội là một loại hình di sản văn hóa phi vật thể phản ánh đời sống của mỗi cộng đồng làng xã. Chính vì vậy mà sự phân bố các lễ hội truyền thống ở Kiến Xương khá đều về không gian, phổ biến hầu khắp các xã trong huyện. Lễ hội ở huyện Kiến Xương chủ yếu diễn ra vào mùa xuân, tập trung từ tháng 1 đến tháng 3 âm lịch và mùa thu từ tháng 7 cho đến tháng 9 âm lịch. Các lễ hội trên địa bàn huyện Kiến Xương mới chỉ dừng lại ở quy mô làng xã là chính.

Trong những năm qua, loại hình lễ hội truyền thống của huyện Kiến Xương

đang được phục hồi và phát huy mạnh mẽ như hội đền Đồng Xâm xã Hồng Thái, hội đình Lại Trì xã Tây Sơn, hội đền vua Rộc xã Vũ An, hội đình Thượng Phúc xã Quang Trung, hội làng Lập Ấp xã Bình Thanh, hội đình Trung Thành xã Quang Bình, hội đình Luật Nội - Luật Ngoại xã Quang Lịch, hội đền Phan Bá Vành xã Vũ Bình, hội đình Đa Cốc xã Nam Bình, hội đình Cao Mại Đài xã Quang Trung, hội Đình Bình Trật xã An Bình, hội Đền Lịch Bài xã Vũ Hoà.v.v, là những lễ hội có lịch sử lâu đời, đa dạng về sắc thái, độc đáo về giá trị hàng năm vẫn được đông đảo cộng đồng nhân dân địa phương tổ chức tạo nên bản sắc văn hóa riêng của huyện Kiến Xương.

b) Nghệ thuật trình diễn dân gian: đang đứng trước thực trạng đáng báo động. Trên địa bàn huyện Kiến Xương hiện nay chỉ có 05 di sản thuộc loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian được kiểm kê chiếm 5,0% trong tổng số các di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn huyện Kiến Xương. Nghệ thuật trình diễn dân gian có hát Ca trù xã Bình Định, xã Hồng Thái, kéo lừa thổi cơm cần xã Hòa Bình, hát Chèo xã Nam Cao, xã Quang Lịch. Khi nói đến nghệ thuật trình diễn dân gian ở Thái Bình, người ta nghĩ đến Hát chèo, nhưng hiện nay, vốn nghệ thuật dân gian truyền thống này cũng đã bị mai một dần và không còn được phát triển. Bên cạnh đó nghệ thuật Ca Trù chỉ còn một số ít nghệ nhân thực hành trong 02 CLB ở xã Bình Định và xã Hồng Thái nhưng cũng không được tổ chức thường xuyên. Điều này đòi hỏi sự quan tâm của các sở ban ngành cần có nhiều chính sách hỗ trợ phát triển hơn nữa để vực dậy và tiếp tục duy trì vốn nghệ thuật trình diễn dân gian truyền thống của địa phương.

Trong đợt kiểm kê năm 2020 chúng tôi cũng đã ghi nhận sự mai một của tục nói ngược, nghệ thuật nặn tò he của xã Bình Định.

c) Nghề thủ công truyền thống: Trên địa bàn huyện Kiến Xương nghề thủ công truyền thống được nhận diện ở hầu hết các xã/thị trấn với 23 nghề thủ công truyền thống được kiểm kê chiếm tỉ lệ 23 % DSVHPVT của huyện. Các làng nghề truyền thống đang được bảo tồn phát triển như nghề chạm bạc Đồng Xâm xã Hồng Thái, nghề dệt đũi xã Nam Cao, nghề làm kẹo đắng xã Bình Minh, nghề mộc, nghề làm tiền giấy xã Vũ Ninh, nghề rèn xã Vũ Quý, nghề dệt thảm xã Vũ Trung, nghề nấu rượu xã Quang Trung, nghề mây tre đan xã Quốc Tuấn, xã Thượng Hiền, nghề thêu xã Vũ Bình, nghề đan gai vó xã Đình Phùng, nghề làm mắm cáy xã Hồng Tiến, nghề làm đậu phụ xã Quang Bình, Nghề đan chiếu cói, đệm cói xã Quang Lịch. Nghề chạm bạc Đồng Xâm của xã Hồng Thái nổi tiếng với những sản phẩm tinh xảo mang tính nghệ thuật cao. Nghề dệt đũi xã Nam Cao nổi tiếng với những sản phẩm xuất khẩu đi nhiều nước trên thế giới, toàn xã có trên 2.700 khung dệt,

tạo việc làm cho gần 10.000 lao động góp phần vào sự phát triển bền vững của huyện Kiên Xương.

Tuy nhiên hiện nay một số nghề truyền thống vẫn đang đứng trước những khó khăn thách thức: Từ năm 2008, nghề mây tre đan xuất khẩu gặp nhiều khó khăn, một số doanh nghiệp chuyển sang móc sợi, làm đệm cói. Bên cạnh đó vẫn còn một số làng nghề giữ được tốc độ phát triển ổn định, đáp ứng yêu cầu tiêu dùng của nhân dân trong và ngoài tỉnh như nghề chạm bạc ở Đồng Xâm. Hiện nay nghề chạm bạc không chỉ phát triển ở xã Hồng Thái mà đã mở rộng và phát triển sang các xã lân cận như Lê Lợi, Trà Giang. Từ năm 2005 đến nay nghề chạm bạc phát triển trở lại tương đối tốt, thị trường tiêu thụ đã mở rộng tới các tỉnh: Lào Cai, Sơn La, Lạng Sơn.v.v, và hướng tới phục vụ khách du lịch. Để các nghề truyền thống có thể hồi sinh và lưu truyền rộng rãi ở địa phương đồng thời tạo sức hấp dẫn lớn đối với du khách trong và ngoài nước thì các cấp, các ngành mà trực tiếp là UBND các xã có làng nghề đã phối hợp chặt chẽ với người dân các làng nghề để tìm giải pháp phát triển phù hợp với tình hình hiện nay.

Bên cạnh những nghề thủ công phát triển tốt, nhiều nghề thủ công nằm trong tình trạng đã bị mai một cần được bảo vệ khẩn cấp đó là nghề thêu của xã Quang Trung, nghề thêu ren, mây tre đan của xã Quốc Tuấn, nghề trồng dâu nuôi tằm và nghề trồng đay của xã Vũ Bình, nghề móc sợi của xã Bình Định, nghề đan cối xay tre của xã Hồng Thái, nghề mây tre đan, nghề làm chiếu cói, thêu ren của xã Minh Tân... Tại các làng nghề truyền thống ngày nay cũng đang mất dần đi những giá trị vốn có các nghệ nhân giỏi ngày càng hiếm dần, thiếu thị trường tiêu thụ, thiếu lớp bồi dưỡng đào tạo nghề cho thế hệ trẻ.

Khi tiến hành kiểm kê chúng tôi nhận thấy rằng đối với nghề mây tre đan và nghề mộc, nghề dệt chiếu, dệt thảm cộng đồng mong muốn được sự hỗ trợ của nhà nước về công tác quảng bá và tìm đầu ra cho sản phẩm để hỗ trợ các hộ gia đình, các nghệ nhân trong việc duy trì nghề và trao truyền lại cho thế hệ trẻ để phát triển được làng nghề trong tương lai. Bởi để duy trì và phát triển những làng nghề này là một nhiệm vụ của ngành văn hóa nói riêng và của toàn hệ thống chính trị nói chung. Đối với các nghề thủ công, các cấp chính quyền cần quan tâm hơn nữa trong việc hỗ trợ cộng đồng làm sản phẩm, cho vay vốn, và tìm đầu ra. Bảo vệ các nghề thủ công không chỉ là các kỹ thuật, thao tác, quy trình làm ra sản phẩm, mà còn những tri thức văn hóa gắn với nghề như các mẫu mã truyền thống, các đồ dùng truyền thống.

d) Tri thức dân gian: Tri thức dân gian có làm gói cá xã Bình Định, xã Quang Bình, làm mộc thịt xã Hồng Thái, nghề bốc thuốc chữa bệnh xương khớp, máu huyết của gia đình ông Trần Dương Quy xã Trà Giang với 5 di sản được kiểm

kê chiếm tỉ lệ khá khiêm tốn 5,0 % vẫn đang được thực hành thường xuyên.

e) Tập quán xã hội và tín ngưỡng: Có 03 di sản chiếm tỉ lệ 3.1 % đó là tín ngưỡng thờ mẫu/hát chầu văn ở xã Quang Trung, Minh Quang và thị trấn Kiến Xương vẫn được các nghệ nhân thực hành thường xuyên.

Qua công tác kiểm kê thấy rằng di sản lễ hội truyền thống vẫn là một lĩnh vực di sản phổ biến trong các thôn làng/tổ dân phố là nét đẹp văn hóa truyền thống. Lễ hội như là sợi dây kết nối cộng đồng, bà con, thể hiện những truyền thống tốt đẹp, uống nước nhớ nguồn. Lễ hội vừa mang tính tâm linh, vừa mang tính vui chơi giải trí, là nguồn cội, là tinh thần và luôn được cộng đồng tham gia nhiệt tình để đảm bảo sức sống của chúng. Cho đến nay, cộng đồng các xã/thị trấn của huyện Kiến Xương vẫn đều mong muốn được tham gia trực tiếp thực hành các công việc được phân công trong lễ hội. Tuy nhiên, các hình thức tổ chức sinh hoạt và thực hành lễ hội lại diễn ra đa dạng, một số hình thức hoạt động đòi hỏi có sự trao truyền và tập luyện công phu lại có phần chưa được quan tâm. Hiện nay, lớp trẻ do nhiều yếu tố khách quan đã không có ý thức học hỏi để nắm các bí quyết thực hành và tham dự các trò chơi truyền thống trong lễ hội. Do vậy, không ít các nghi thức tế lễ đã bị giản lược điều đó vô hình chung làm giảm đi tính thiêng liêng và không khí của ngày hội. Các di sản thuộc lĩnh vực nghệ thuật trình diễn và tri thức dân gian, tập quán xã hội thì mang tính khẩn cấp và cần được sự quan tâm, hỗ trợ của nhà nước, của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương. Những loại hình di sản này cần có sự hỗ trợ và vào cuộc để nghệ nhân có thể trao truyền cho thế hệ trẻ, để duy trì và lưu giữ cho tương lai. Các làng nghề truyền thống cũng cần được sự hỗ trợ của chính quyền, của các đoàn thể để người dân sống bằng nghề, và cũng để duy trì, phổ biến tri thức dân gian đã được tích lũy hàng trăm năm.

## **7. Huyện Tiền Hải**

Huyện Tiền Hải có nhiều di tích lịch sử văn hóa gắn liền với đời sống văn hóa vật thể và phi vật thể tiêu biểu của người Việt. Theo Danh Mục kiểm kê di tích của huyện Tiền Hải năm 2018 toàn huyện có 248 di tích lịch sử văn hóa bước đầu đã được kiểm kê trong đó chùa có 47 di tích, đình 78 di tích, đền 51 di tích, miếu 38 di tích, từ đường 24 di tích, lăng mộ 01 di tích, địa điểm lịch sử 01 di tích và các thiết chế khác có 01 di tích. Trong đó có 14 di tích được công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia, 83 di tích được công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh. Năm 2017, huyện Tiền Hải có trên 90% số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá, 161/174 thôn, khu phố đạt chuẩn văn hóa, đạt tỷ lệ 92,5%; 30/35 xã, thị trấn đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị; 132/145 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học đạt chuẩn văn hóa, 38 chùa, 69 xứ họ đạo



được công nhận “chùa cảnh 4 gương mẫu”, “xứ họ đạo 4 gương mẫu”.

Kết quả kiểm kê DSVHPVT trên địa bàn toàn huyện Tiền Hải có 25/32 xã/thị trấn có di sản văn hóa phi vật thể với tổng số 50 DSVHPVT, trong đó lễ hội truyền thống có 39 di sản (chiếm tỉ lệ 78 %), nghề thủ công truyền thống có 06 di sản (chiếm tỉ lệ 12 %), nghệ thuật trình diễn dân gian có 04 di sản (chiếm tỉ lệ 8,0 %). Loại hình tập quán xã hội và tín ngưỡng trên địa bàn huyện Tiền Hải tương đối khiêm tốn với 01 di sản (chiếm tỉ lệ 2%).

a) Loại hình lễ hội: huyện Tiền Hải có 39 di sản chiếm tỉ lệ 78% trong tổng số các DSVHPVT của toàn huyện. Các lễ hội xuất hiện khá đều về không gian, phổ biến hầu khắp các xã/thị trấn trong huyện. Lễ hội ở huyện Tiền Hải diễn ra ở cấp thôn/làng và chủ yếu diễn ra vào mùa xuân, tập trung chủ yếu vào tháng Giêng có 03 lễ hội (chiếm tỉ lệ 8,0%), tháng Hai có 07 lễ hội (chiếm tỉ lệ 18%), tháng Ba có 13 lễ hội (chiếm tỉ lệ 33%), tháng Sáu có 01 lễ hội (chiếm tỉ lệ 3,0%), tháng Bảy có 2 lễ hội (chiếm tỉ lệ 5,0%), tháng Tám có 10 lễ hội (chiếm tỉ lệ 26%), tháng Mười có 01 lễ hội (chiếm tỉ lệ 3,0%), tháng Mười một có 2 lễ hội (chiếm tỉ lệ 5,0%) trong tổng số 39 lễ hội diễn ra trong cả năm của huyện Tiền Hải. Trong đó tháng Tư, tháng Năm, tháng Chín và tháng Mười hai không có lễ hội nào được tổ chức.

Trong những năm gần đây các loại hình lễ hội truyền thống của huyện Tiền Hải đang được phục hồi và phát huy mạnh mẽ như hội đèn Cửa Lân của xã Đông Minh, hội đình Vũ Xá xã Đông Phong, hội đình Tổ xã Vân Trường, hội đèn Hưng Long xã Đông Long, hội đình Kênh Xuyên xã Đông Xuyên, hội đình Vũ Lăng xã Vũ Lăng.v.v, là những lễ hội mang dấu ấn của cộng đồng người dân vùng biển hàng năm vẫn được đông đảo cộng đồng nhân dân địa phương tổ chức tạo nên bản sắc văn hóa riêng của huyện Tiền Hải.

Ngày nay, những nguy cơ tác động đến sự sống còn của di sản như hiện đại hóa, công nghiệp hóa không có ảnh hưởng đến việc tổ chức lễ hội. Thanh niên, lớp trẻ ở lại làng không nhiều, vì thế việc duy trì, tổ chức, trao truyền bị ảnh hưởng nhiều. Một số lễ hội đã mai một đi một số nghi thức rước: Hội đình Tiểu Hoàng và hội đèn Hoa Nhuệ của thị trấn Tiền Hải trước đây trong ngày chính hội có nghi thức rước nước, rước kiệu thánh nhưng đến nay đã bị mai một, chưa được khôi phục lại; Hội làng Lộc Trung xã Nam Hưng trước năm 1996 lễ hội lễ rước kiệu, rước bằng xếp hạng vòng quanh xóm nhưng hiện nay lễ rước kiệu không còn được thực hiện; Hội đèn Trần xã Đông Cơ từ năm 2010 đến nay không còn tổ chức rước kiệu; Hội đình Vũ Lăng xã Vũ Lăng hiện nay không còn tổ chức lễ chọi Trâu; Hội đèn Cửa Lân xã Đông Minh không còn tổ chức lễ rước nước từ cửa sông giáp biển như trước. Hay một số lễ hội vì những nguyên nhân khác nhau mà thay đổi ngày tổ chức lễ hội:

Hội đình Phong Lai xã Đông Phong xưa tổ chức vào vào ngày 28 tháng Chạp, từ năm 2000 đến nay dân làng đổi ngày tổ chức lễ hội vào ngày 15 đến ngày 16 tháng 2 âm lịch; Hội đình Hải Nhuận của xã Đông Quý trước kia tổ chức vào tháng 8 âm lịch, từ năm 2017 đến nay lễ hội từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 3 âm lịch; Hội đền Đại Hoàng xã Tây Lương xưa diễn ra từ ngày mùng 01 đến ngày 03 tháng 3 âm lịch, từ năm 2019 thời gian lễ hội thay đổi diễn ra từ ngày mùng 10 đến ngày 12 tháng 3 âm lịch hàng năm; Những sự mai một và thay đổi này cần có nhận thức đầy đủ để cộng đồng làng xã có những biện pháp bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể trong đời sống của cộng đồng.

b) Nghệ thuật trình diễn dân gian: trên địa bàn huyện Tiên Hải tương đối khiêm tốn với 04 di sản (chiếm tỉ lệ 8% trong tổng số các DSVHPVT của huyện) đó là: Nghệ thuật đi cà kheo xã Nam Thanh, xã Nam Thắng, bơi chải xã Đông Trà, Hát chèo xã Đông Long. Nhưng hiện nay, nghệ thuật hát Chèo cũng đã bị mai một dần và không còn được phát triển. Điều này đòi hỏi sự quan tâm của các sở ban ngành cần có nhiều chính sách hỗ trợ phát triển hơn nữa để vực dậy và tiếp tục duy trì vốn nghệ thuật trình diễn dân gian truyền thống của địa phương.

c) Nghề thủ công: Trên địa bàn huyện Tiên Hải nghề thủ công truyền thống được nhận diện ở hầu hết các xã/thị trấn với 06 nghề thủ công truyền thống được kiểm kê chiếm tỉ lệ 12 % DSVHPVT của huyện. Nghề mây tre đan thị trấn Tiên Hải, nghề đan, vá lưới xã Nam Thanh, nghề làm nước mắm xã Nam Thịnh, nghề đan chiếu trúc xã Vũ Lăng, nghề nấu rượu xã An Ninh, nghề đan nón lá xã Nam Hà. Những năm qua, sự phát triển nghề và làng nghề ở huyện Tiên Hải đã góp phần giải quyết việc làm cho nhiều lao động nông thôn, nâng cao giá trị sản xuất công nghiệp của huyện.

Tuy nhiên, hoạt động sản xuất của nhiều làng nghề trong huyện hiện đang gặp không ít khó khăn, một số làng nghề có dấu hiệu giảm sút, thậm chí không còn duy trì sản xuất: Nghề đan chiếu cỏi ở xã Nam Hải; Nghề mây tre đan xã Phương Công; Nghề sản xuất gói, rèm, thêu ren của xã Đông Phong; nghề mây tre đan xã Đông Trung, xã Nam Phú, xã Tây Ninh; Nghề mộc, nghề làm vàng mã của xã Tây Lương; Nghề đan mây tre, nghề làm bánh đa, nghề nấu rượu, nghề đan lưới bắt cá của xã Vân Trường; nghề làm nón của xã Nam Chính; nghề làm muối của xã Nam Thịnh; nghề mây tre đan, nghề chiếu cói, nghề làm nón, nghề làm bún của xã Nam Trung; Nghề dệt chiếu cói xã Tây Tiến.v.v. Tại các làng nghề truyền thống ngày nay cũng đang mất dần đi những giá trị vốn có các nghệ nhân giỏi ngày càng hiếm dần, thiếu thị trường tiêu thụ, thiếu lớp bồi dưỡng đào tạo nghề cho thế hệ trẻ. Để các nghề truyền thống có thể hồi sinh và lưu truyền rộng rãi ở địa phương đồng thời

tạo sức hấp dẫn lớn đối với du khách trong và ngoài nước thì các cấp, các ngành mà trực tiếp là UBND các xã có làng nghề đã phối hợp chặt chẽ với người dân các làng nghề để tìm giải pháp phát triển phù hợp với tình hình hiện nay.

d) Loại hình tập quán xã hội và tín ngưỡng: trên địa bàn huyện Tiền Hải tương đối khiêm tốn với 01 di sản (chiếm tỉ lệ 2%) đó là: Tín ngưỡng thờ mẫu/hát chầu văn, tại đền Hưng Long xã Đông Long. Điều này đòi hỏi sự quan tâm của các sở ban ngành cần có nhiều chính sách hỗ trợ phát triển hơn nữa để vực dậy và tiếp tục duy trì loại hình tập quán xã hội và tín ngưỡng của địa phương.

Kết quả kiểm kê thấy rằng những di sản lễ hội truyền thống vẫn là một lĩnh vực di sản phổ biến trong các thôn làng/tổ dân phố là nét đẹp văn hóa truyền thống. Lễ hội như là sợi dây kết nối cộng đồng, bà con, thể hiện những truyền thống tốt đẹp, uống nước nhớ nguồn. Tuy nhiên, các hình thức tổ chức sinh hoạt và thực hành lễ hội lại diễn ra đa dạng, một số hình thức hoạt động đòi hỏi có sự trao truyền và tập luyện công phu lại có phần chưa được quan tâm. Hiện nay, lớp trẻ do nhiều yếu tố khách quan đã không có ý thức học hỏi để nắm các bí quyết thực hành và tham dự các trò chơi truyền thống trong lễ hội. Do vậy, không ít các nghi thức tế lễ đã bị giản lược điều đó vô hình chung làm giảm đi tính thiêng liêng và không khí của ngày hội. Các di sản thuộc lĩnh vực nghệ thuật trình diễn và tri thức dân gian, tập quán xã hội thì mang tính khẩn cấp và cần được sự quan tâm, hỗ trợ của nhà nước, của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương. Những loại hình di sản này cần có sự hỗ trợ và vào cuộc để nghệ nhân có thể trao truyền cho thế hệ trẻ, để duy trì và lưu giữ cho tương lai. Các làng nghề truyền thống cũng cần được sự hỗ trợ của chính quyền, của các đoàn thể để người dân sống bằng nghề, và cũng để duy trì, phổ biến tri thức dân gian đã được tích lũy hàng trăm năm. Nghề thủ công có thể là những loại mặt hàng thủ công mỹ nghệ đáp ứng cuộc sống đời thường, thực hành nghi lễ, cũng có thể là món ăn đặc sản. Vì vậy, các loại hình này cần được sự quan tâm, vào cuộc của các cấp chính quyền và các nhà quản lý văn hóa để duy trì, phát huy giá trị của di sản trong đời sống của cộng đồng.

### **8. Huyện Đông Hưng**

Theo Danh Mục kiểm kê di tích của huyện Đông Hưng năm 2016 toàn huyện có 439 thiết chế văn hóa cổ bước đầu đã được kiểm kê trong đó chùa có 115 di tích, đình 78 di tích, đền 57 di tích, miếu 100 di tích, từ đường 68 di tích, lăng tẩm 05 di tích, địa điểm lịch sử 09 di tích, văn chỉ 01 di tích, quán 01 di tích. Toàn huyện Kiến Xương đã có 86 di tích được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh, 24 di tích được xếp hạng cấp quốc gia. Trong đó một số di tích không chỉ có giá trị về

lịch sử cách mạng, giá trị về văn hoá mà còn có giá trị rất lớn về kiến trúc nghệ thuật, điển hình như di tích: đền thờ công chúa Trần Thị Quý Minh ở Thượng Liệt (Đông Tân), chùa Từ Ân ở Đông Hải (Đông Vinh), chùa Thiên Quý ở làng Kênh (Đông Xuân), đình Tiên Trật (Đô Lương), đình, chùa, đền Bình Cách (Đông Xá), đình Cổ Dũng (Đông La), lăng mộ, đền thờ Thái Bảo họ Đỗ ở thôn Tứ (Hồng Việt).v.v. Cùng với đó các di tích LSVH thường xuyên được đầu tư và hỗ trợ kinh phí trùng tu tôn tạo. Nhiều di tích đã huy động sự đóng góp của nhân dân, lòng hảo tâm công đức của con em xa quê được hàng trăm triệu đồng. Cá biệt có di tích huy động được hàng chục tỷ đồng để tu sửa, nâng cấp như di tích LSVH chùa Thiên Quý (xã Đông Xuân), hàng tỷ đồng như di tích LSVH chùa Bon (xã Hồng Bạch), đình Thượng Phú, đình Cổ Hội (xã Đông Quan). Chỉ tính riêng trong mấy năm gần đây, toàn huyện Đông Hưng đã có 72 di tích LSVH được trùng tu, tôn tạo với số kinh phí trên 11,5 tỷ đồng, trong đó kinh phí của các nhà hảo tâm và con em xa quê đóng góp là gần 9,8 tỷ đồng. Sau khi được trùng tu, tôn tạo, các di tích trở nên khang trang, bề thế đáp ứng tốt nhu cầu tín ngưỡng và lễ hội của nhân dân.

Kết quả kiểm kê DSVHPVT trên địa bàn huyện Đông Hưng có 33/38 xã/thị trấn có di sản văn hóa phi vật thể với tổng số 139 DSVHPVT, trong đó lễ hội truyền thống có 105 di sản (chiếm tỉ lệ 76 %), nghề thủ công truyền thống có 09 di sản (chiếm tỉ lệ 6,0 %), nghệ thuật trình diễn dân gian có 20 di sản (chiếm tỉ lệ 14 %), tri thức dân gian có 2 di sản (chiếm tỉ lệ 1,0 %), tập quán xã hội có 3 di sản (chiếm 2,0 %).

a) Loại hình lễ hội truyền thống: huyện Đông Hưng có 103 di sản thuộc loại hình lễ hội truyền thống chiếm 77% tổng số di sản VHPVT của toàn huyện. DSVHPVT thuộc loại hình lễ hội truyền thống của huyện Đông Hưng diễn ra chủ yếu vào tháng Giêng có 19 lễ hội (chiếm tỉ lệ 18%), tháng Hai có 14 lễ hội (chiếm tỉ lệ 14%), tháng Ba có 29 lễ hội (chiếm tỉ lệ 28%), tháng Tư có 08 lễ hội (chiếm tỉ lệ 8,0%), tháng Năm có 2 lễ hội (chiếm tỉ lệ 2,0%), tháng Bảy có 2 lễ hội (chiếm tỉ lệ 2,0%), tháng Tám có 21 lễ hội (chiếm tỉ lệ 20%), tháng Mười có 02 lễ hội (chiếm tỉ lệ 2,0%), tháng Mười một có 7 lễ hội (chiếm tỉ lệ 7,0%), tháng Mười hai có 1 lễ hội (chiếm tỉ lệ 1,0%).

Trong những năm gần đây các loại hình lễ hội truyền thống của huyện Đông Hưng đang được phục hồi và phát huy mạnh mẽ có thể kể đến: Hội chùa Vô xã Phong Châu, hội đình Lịch Động xã Đông Các, hội đình – đền Cổ Dũng xã Đông La, hội đình - đền làng Rèm xã Thăng Long, tục giã bánh dày trong lễ hội miếu thôn Tiên, xã Mê Linh, v.v. trong đó lễ hội làng Thượng Liệt xã Đông Tân đã được ghi vào Danh mục Di sản VHPVT quốc gia năm 2018.

Qua công tác kiểm kê thấy rằng những di sản lễ hội truyền thống vẫn là một lĩnh vực di sản phổ biến trong các thôn làng/tổ dân phố là nét đẹp văn hóa truyền thống. Các hình thức tổ chức sinh hoạt và thực hành lễ hội lại diễn ra đa dạng, một số hình thức hoạt động đòi hỏi có sự trao truyền và tập luyện công phu lại có phần chưa được quan tâm. Hiện nay, lớp trẻ do nhiều yếu tố khách quan đã không có ý thức học hỏi để nắm các bí quyết thực hành và tham dự các trò chơi truyền thống trong lễ hội. Do vậy, không ít các nghi thức tế lễ đã bị giản lược điều đó vô hình chung làm giảm đi tính thiêng liêng và không khí của ngày hội. Trong quá trình kiểm kê chúng tôi cũng nhận thấy một số lễ hội hiện nay đã không còn tổ chức nghi lễ rước kiệu như trước đây: Hội đình Trung Nghĩa Đình của xã Hồng Giang; hội đình - đền thôn Cổ Dũng của xã Đông La không còn tục lệ rước sắc chung của ba làng (Giống, Gú, Quai); hội Đình- đền - chùa xã Đông Xá; hội đình Trung, thôn Duy Tân, xã Minh Tân; hội miếu Bái, thôn Đàm, xã Mê Linh. Một số lễ hội đã mai một nghi thức tế lễ: hội đền Hậu, thôn Hậu, xã Mê Linh. Một số lễ hội đã thay đổi thời gian tổ chức: hội đình Quyết Trung của xã Mê Linh trước đây tổ chức từ ngày 11 đến 12 tháng Chạp, từ năm 1990 đến nay theo nguyện vọng của nhân dân trong xóm lễ hội được tổ chức vào ngày 30 tháng 4 và mùng 1 tháng 5 dương lịch là ngày khánh thành đình làng; hội đình làng Và, xã Thăng Long trước đây lễ hội tổ chức vào ngày 15 tháng 8 từ năm 1993 trở lại đây dân làng thống nhất tổ chức lễ hội trước 3 ngày từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 8 âm lịch hàng năm. Bên cạnh đó hội Đình thôn Thượng Phú, xã Đông Quan đang đứng trước nguy cơ có thể mai một của lễ hội do di tích đang bị xuống cấp trầm trọng, việc huy động kinh phí để khôi phục gặp khó khăn, diện tích đất bị lấn chiếm, đồ thờ cúng bị mất hoặc thất thoát, người cao tuổi hiểu biết lễ hội đang dần ít đi, lớp trẻ không hào hứng tham gia lễ hội.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây ý thức về bảo tồn và phát huy DSVHPVT của người dân ở các làng xã cũng đã được nâng cao rõ rệt. Đường như nơi nào có di tích, lễ hội là nơi đó có nhu cầu trùng tu tôn tạo và nhu cầu mở hội. Hầu như ở các lễ hội người dân đều tự bàn, tự lo, việc phục hồi các trò diễn, trò chơi dân gian truyền thống cũng đều xuất phát từ nhu cầu và nguyện vọng của nhân dân. Những nỗ lực ấy đã đem đến cho lễ hội trong các làng xã ở huyện Đông Hưng đa dạng về sắc thái, độc đáo về giá trị, hàng năm vẫn được đông đảo cộng đồng nhân dân địa phương tổ chức đã tạo nên bản sắc văn hóa riêng của huyện Đông Hưng.

b) Nghề thủ công truyền thống: Trên địa bàn huyện Đông Hưng nghề thủ công truyền thống được nhận diện ở hầu hết các xã/thị trấn với 8 nghề thủ công

truyền thống được kiểm kê chiếm tỉ lệ 8,0 % DSVHPVT của huyện. Các làng nghề truyền thống đang được bảo tồn phát triển như: nghề làm dũa cưa của xã Mê Linh, làm bánh dày, làm kẹo lạc, kẹo dôi, làm bánh cáy của xã Nguyên Xá, nghề đan nón của xã Phú Lương, nghề mây tre đan của xã Đông Phương, nghề làm bún của xã Đông Xuân. Làng nghề trồng dâu nuôi tằm của xã Hồng Bạch đang đi giai đoạn thoái trào, do thị trường tiêu thụ thu hẹp, sức mua tơ kén giảm mạnh, lao động bỏ nghề đi làm trong các khu công nghiệp. Hiện nay xã Hồng Bạch chỉ còn 40 hộ gia đình với 80 người đang làm nghề và chỉ có 10 người đang học nghề. Điều đó đã mang lại nguy cơ mai một nghiêm trọng cho làng nghề. Bên cạnh đó có một số làng nghề đã suy giảm và mai một như: nghề đan rổ rá ở xã Hồng Châu, nghề mây tre đan và thêu ren ở xã Đông Quan, nghề dệt chiếu của xã Đông Vinh; nghề dệt thảm len của xã Đông Hợp từ năm 2007 đã bị mai một hoàn toàn không còn hộ nào sản xuất. Điều đó cho thấy những làng nghề ở huyện Đông Hưng ngày một thụt giảm về số lao động, chỉ còn số ít người dân duy trì nghề. Nguyên nhân chính là do nhiều mặt hàng không còn phù hợp với thị trường, không tìm được đầu ra cho sản phẩm, hầu hết lao động trong làng nghề đều chuyển sang làm các ngành nghề khác có thu nhập cao hơn. Để giữ vững và phát huy nghề truyền thống huyện Đông Hưng cần tiếp tục tuyên truyền, tạo điều kiện cho các cơ sở trong làng nghề duy trì phát triển. Tăng cường tìm kiếm thị trường đầu ra cho các sản phẩm, bố trí hợp lý các nguồn vốn khuyến công để đào tạo lao động, dạy nghề hộ gia đình trong các làng nghề.

c) Tri thức dân gian: DSVHPVT thuộc loại hình tri thức dân gian có Chạch nẫu mùng toi của xã Phú Lương, làm gỏi cá mè của xã Đông Cường. Tuy số lượng tri thức dân gian trên địa bàn huyện Đông Hưng còn khá ít ỏi, nhưng các tri thức dân gian này vẫn có sức sống mạnh mẽ và được cộng đồng thực hành thường xuyên.

d) Tập quán xã hội có lễ giỗ của các dòng họ Hoàng Xuân, họ Mai Quý, họ Vũ Gia ở xã Đông La vẫn được con cháu trong các dòng họ gìn giữ, nêu cao truyền thống tốt đẹp hướng về nguồn cội, biết ơn tiên tổ.

e) Nghệ thuật trình diễn dân gian: DSVHPVT thuộc loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian có chơi pháo đất xã Phú Lương, xã An Châu, xã Minh Phú, xã Phú Châu, Mê Linh, xã Đông Cường, xã Đông Sơn; Hát chèo làng Khuốc xã Phong Châu, xã Phú Lương xã Minh Phú, xã Phú Châu, xã Minh Tân, Mê Linh, xã Lô Giang, Đông Cường. Múa giáo cờ giáo quạt xã Đông Tân; Nghệ thuật múa rối nước xã Nguyên Xá, xã Đông Các; Nghệ thuật múa sư tử xã Đông Sơn; Hát châu văn ở xã xã Lô Giang. Thái Bình vẫn từng được tôn xưng là “đất chèo”, “quê hương múa rối nước, do đó trong chương trình hành động của Tỉnh ủy Thái Bình

luôn nhấn mạnh vào việc bảo tồn và phát huy những loại hình nghệ thuật truyền thống này. Trong những năm qua hầu hết các huyện/thành phố đã tổ chức các lớp dạy hát chèo, diễn chèo, tổ chức các hội thi hội diễn chèo từ cơ sở đến huyện, tỉnh, nhiều CLB chèo của gia đình, dòng họ, thôn làng được ra đời và duy trì hoạt động. Công tác sưu tầm các làn điệu chèo, các tích trò cổ được chú trọng. Hai phường rối Nguyễn Xá và Đông Các được đầu tư xây dựng hồ múa rối, nhà thủy đình và bổ sung quân rối, trang thiết bị hoạt động từ nhiều nguồn vốn theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm. Trong những năm qua các cấp, các ngành cùng toàn thể nhân dân trong huyện Đông Hưng đã tập trung đầu tư công sức, trí tuệ và tiền của để bảo tồn, tôn tạo, lưu giữ và phát huy giá trị di sản văn hoá do ông cha để lại. Hàng trăm triệu đồng của Nhà nước đầu tư và của các tổ chức phi Chính phủ hỗ trợ đã giúp xã Phong Châu xây dựng lại nhà tổ chèo và mở các lớp truyền nghề hát chèo cho con em địa phương, hình thành lớp “nghệ sỹ” hát chèo nhỏ tuổi sẵn sàng kế tiếp sự nghiệp hát chèo của các thế hệ đi trước. Điều đó đã phát huy được sức mạnh toàn dân trong việc bảo tồn và phát huy các DSVHPVT. Công tác bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể là việc làm mang ý nghĩa nhân văn cao cả, vừa thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn, sự tri ân đối với các bậc tiền nhân có công với dân, với nước, vừa thể hiện thái độ trân trọng đối với những thành tựu văn hoá lịch sử của ông cha trong quá khứ để lại. Đây còn là sự tiếp nối truyền thống văn hoá, tham gia tích cực vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội của địa phương trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

#### **IV. MỘT SỐ THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG CÔNG TÁC KIỂM KÊ DSVHPVT**

##### **1. Thuận lợi**

- Công tác kiểm kê DSVHPVT đã được chuẩn bị kỹ lưỡng, tổ chức tập huấn và thực hiện nghiêm túc, bài bản có sự phối hợp của cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý và cộng đồng dân cư. Mặc dù có một số thành viên của nhóm kiểm kê là cán bộ văn hóa xã và chuyên viên phòng Văn hóa và Thông tin huyện lần đầu tiên tiếp cận với vấn đề này song họ đã tham gia đầy đủ với tinh thần học hỏi nên có nhận thức tốt về mục tiêu, phương pháp kiểm kê và hoàn thành tốt nhiệm vụ. Cùng với sự quan tâm chỉ đạo và hỗ trợ thiết thực của chính quyền địa phương ở cơ sở và sự vào cuộc nhiệt tình của cộng đồng dân cư địa phương, công tác điều tra, kiểm kê đã đạt được hiệu quả, thu được những cứ liệu cần thiết, khách quan đáp ứng được các mục tiêu đã đề ra.

- Trong thời gian tiến hành kiểm kê được chính quyền và đội ngũ cán bộ

công chức văn hoá xã, huyện, đội ngũ các trưởng thôn, trưởng BQL các di tích thường xuyên trực tiếp và quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ cụ thể, tạo điều kiện thuận lợi để đáp ứng mọi yêu cầu đặt ra của công việc kiểm kê. Các trưởng thôn, các bí thư chi bộ, trưởng BQL di tích thuộc các thôn/khu dân cư tại hầu hết các xã đã trực tiếp tham gia tổ chức nhóm thảo luận tại địa phương, tham gia chủ động giải quyết mọi vấn đề nảy sinh trong quá trình thảo luận nhóm đại diện cộng đồng, nhằm cung cấp thông tin cho việc điều tra kiểm kê.

- Những người dân trong cộng đồng bao gồm các bậc cao niên, các thành viên trong Ban khánh tiết đã trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào công việc cung cấp thông tin tại đa số các thôn/làng đều nhiệt tình, có quan điểm đồng thuận với nhu cầu bảo tồn, khai thác và trao truyền di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương. Nhiều bậc cao niên đã cung cấp những tư liệu quý do cá nhân tự sưu tầm, biên soạn hoặc biên dịch, làm tài liệu tham khảo tốt cho quá trình trả lời phiếu điều tra, kiểm kê. Sự giúp đỡ tận tình, chu đáo của các vị trong các Ban quản lý di tích, Hội người cao tuổi tại các thôn về công tác tổ chức, tham gia điều hành thảo luận nhóm đạt yêu cầu chất lượng đề ra của nhóm nghiên cứu, điều tra.

## **2. Khó khăn**

- Trên bước đường phát triển của lịch sử xã hội và những biến đổi của cơ tầng địa lí tự nhiên, của nhiều giai đoạn tổ chức hành chính khác nhau, nhiều địa danh đã bị biến đổi, một số di tích bị hủy hoại qua các thời điểm lịch sử khắc nghiệt (bị giặc ngoại xâm đốt phá, cướp tư liệu sách vở), mới được phục dựng lại trong thời gian sau năm 1975 và những năm 1990 của thế kỷ XX. Chính vì thế, nhiều tập tục sinh hoạt tín ngưỡng và thực hành lễ hội bị mai một so với thời kỳ cách đây vài chục năm (đặc biệt là so với năm 1945 trở về trước), bên cạnh sự lấn át của văn hóa đương đại đối với văn hóa truyền thống. Sự tiếp nối sinh hoạt văn hóa truyền thống giữa các thế hệ bị ngắt quãng do chiến tranh và điều kiện lịch sử, xã hội. Chính vì thế, thế hệ trẻ hiện nay ở các làng xã nhiều người không hiểu biết, không nắm được nội dung và ý nghĩa của các DSVHPVT của quê hương. Trong quá trình tiến hành điều tra kiểm kê cho thấy sự hiểu biết về các di tích lịch sử, văn hóa, phong tục tập quán, di sản văn hóa phi vật thể trên cùng địa bàn là không đồng đều.

- Trong khoảng thời gian từ năm 2003 đến năm 2020 có sự xáo trộn địa giới hành chính do sáp nhập các xã, thôn và chuyển đổi/phân chia các làng thành các thôn, tổ, khu dân cư đánh số từ thấp đến cao để tạo ra sự rạn nứt của chỉnh thể văn hóa làng - đơn vị vốn cùng tuân thủ các quy định trong luật tục, phong tục, tập quán của bản do các thế hệ trước sáng tạo, bảo tồn và truyền lại.

- Do nhiều nguyên nhân khác nhau mà ở hầu hết các thôn/làng của tỉnh Thái



Bình nói riêng và cả nước nói chung có nhiều hình thức sinh hoạt văn nghệ, hội hè, tín ngưỡng bị cấm đoán. Điều đó, đã tạo nên ra sự đứt gãy về văn hóa, thiếu sự quan tâm quản lý của chính quyền cơ sở và người dân địa phương, nhiều di tích đã bị hủy hoại hoặc bị chiếm dụng ở những mức độ khác nhau. Nhiều vật dụng phục vụ cho quá trình hành lễ, bài trí nội thất thờ tự cổ xưa tại các làng thờ tổ nghề bị hủy hoại hoặc cũ nát. Trong khi đó, nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, tâm linh của cộng đồng vẫn rất cao. Tại đa số các địa phương, việc phục dựng cơ sở tín ngưỡng, thờ tự mới chủ yếu do cộng đồng dân chúng đóng góp và hợp sức xây dựng thuộc các dòng họ có các tiền nhân thuộc hàng khoa bảng, đỗ đạt hoặc nơi có sự giúp đỡ của con cháu có khả năng, tiềm lực về kinh tế. Vai trò của nhà nước còn hạn hẹp và mức độ thấp. Thực trạng này đã được chính quyền và các nhà quản lý văn hóa các cấp nhận thức rõ và đặt ra kế hoạch chỉnh sửa, bổ khuyết.

- Đa số các thôn/làng đã có sự chuyển đổi trong nghề nghiệp, mở rộng thêm các hoạt động nghề thủ công, nghề buôn bán tiểu thương, không còn thuần nông như trước năm 1945. Việc thực hành sinh hoạt nghi lễ, tín ngưỡng đã bị gián lược đi nhiều, nhiều người am hiểu di sản văn hóa của cộng đồng đã cao tuổi, trí nhớ không còn minh mẫn để thực hành, việc truyền dạy cho lớp con cháu thế hệ sau vì thế không liên mạch, không còn đảm bảo những quy chuẩn theo hương ước và tục lệ khắt khe như trong truyền thống những trăm năm trước. Và như vậy, gần như chỉ có thôn/làng dân cư có di tích tín ngưỡng là quan tâm, hiểu biết (ở những mức độ khác nhau) về đối tượng thờ phụng ở địa phương mình. Các thôn/làng dân cư khác lâm vào tình trạng tâm lý bị xa rời di tích tín ngưỡng, ý thức cùng trách nhiệm dần phai nhạt, mang tính khách thể hóa.

- Đội ngũ cán bộ chuyên môn quản lý di sản chưa được đào tạo đúng chuyên môn dẫn đến năng lực công tác còn hạn chế. Nhiều xã/phường/thị trấn trên địa bàn, số lượng cán bộ văn hóa được đào tạo cơ bản không nhiều, hoặc chỉ được đào tạo qua các lớp tập huấn, do đó chưa đủ năng lực để thực hiện công tác quản lý một cách bài bản, khoa học. Bên cạnh đó lãnh đạo địa phương và những người làm công tác văn hóa chưa thực sự quan tâm triệt để về vai trò và tầm quan trọng của các DSVHPVT trong các di tích nói riêng và trong phát triển kinh tế nói chung. Kiểm kê là một công việc đòi hỏi những người làm công tác kiểm kê phải cẩn trọng trong quá trình thu thập thông tin để có thể có được những số liệu chính xác, phản ánh đúng thực trạng của di sản tại địa phương. Tuy nhiên, trong quá trình rà soát, kiểm tra lại thông tin kiểm kê, chúng tôi nhận thấy có những xã/phường dường như chưa nhận thức đúng tầm quan trọng và ý nghĩa của công tác kiểm kê, nên chưa thực hiện công việc này một cách hiệu quả. Do đó, vẫn còn rất nhiều thông tin

trong mẫu phiếu đã bị bỏ qua, không được kê khai đầy đủ, khiến cho nhiều di sản văn hóa phi vật thể chưa được quan tâm sưu tầm, ghi chép và bảo tồn đúng cách.

- Nguy cơ mai một của nhiều loại hình di sản văn hóa phi vật thể, do các nghệ nhân am hiểu về di sản đã chết, số nghệ nhân còn lại do tuổi cao, sức yếu, trí nhớ không còn minh mẫn dẫn đến việc sưu tầm, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa phi vật thể chưa tương xứng với tiềm năng hiện có. Sự mất cân đối giữa văn hóa cổ truyền và văn hóa mới trong xây dựng văn hóa cơ sở, chủ yếu là xây dựng văn hóa mới, đưa ra những hình thức thông tin cổ động, thể thao, văn nghệ quần chúng, trong khi đó văn hóa truyền thống của đóng vai trò không đáng kể trong cuộc sống đương đại ở cơ sở.

- Những loại hình di sản nghề thủ công truyền thống, các thông tin về văn hóa, di sản gắn với cộng đồng còn chưa được khai thác triệt để. Do vậy, các thông tin của làng nghề chủ yếu về mặt kỹ thuật, về thu nhập, ít thông tin về di sản văn hóa nghề thủ công gắn với đời sống văn hóa của cộng đồng.

- Di sản văn hóa phi vật thể tồn tại trong trí nhớ và được lưu truyền thông qua bằng con đường truyền miệng nên việc sưu tầm và xây dựng quy trình thực hành theo đúng truyền thống là rất khó khăn. Việc trao truyền lại các nghệ thuật trình diễn, các nghi lễ trong lễ hội truyền thống cho thế hệ trẻ chưa được thực hiện thường xuyên, nhiều loại hình nghệ thuật có nguy cơ bị mai một. Ý thức bảo tồn văn hóa dân tộc của một bộ phận người dân (đặc biệt là lớp trẻ) còn yếu nên dễ bị ảnh hưởng bởi văn hóa ngoại lai, tâm lý sùng ngoại, ít quan tâm đến văn hóa dân tộc.

- Nguồn kinh phí, phương tiện, con người cần đầu tư, bố trí cho lĩnh vực này chưa được quan tâm đầu tư thích đáng. Việc truyền dạy cho thế hệ trẻ chưa được thực hiện thường xuyên, nhiều loại hình nghệ thuật có nguy cơ bị mai một.

## **V. GIẢI PHÁP BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VHPVT**

1. Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và cộng đồng về di sản văn hóa phi vật thể, bảo vệ và phát huy giá trị của di sản văn hóa phi vật thể.

2. Thực hiện tốt công tác lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể học đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia một cách khoa học và có hệ thống nhằm nhận diện và xác định mức độ tồn tại, giá trị và sức sống của di sản văn hóa trong cộng đồng trên cơ sở đó đề xuất phương án bảo tồn, phát huy một cách hiệu quả.

3. Tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước về di sản văn hóa nói chung và di sản văn hóa phi vật thể nói riêng trên địa bàn tỉnh; tuyên truyền vận

động nhân dân tham gia bảo vệ di sản văn hóa, gắn hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và “Xây dựng nông thôn mới”. Trong đó chú trọng đến nguyên tắc bảo tồn các loại hình văn hóa phi vật thể ngay chính trong đời sống cộng đồng.

4. Tham mưu ban hành cơ chế, chính sách, chế độ đãi ngộ cho các nghệ nhân tài giỏi, những cá nhân và gia đình có công giữ gìn các di sản văn hóa dân tộc. Mở lớp các lớp đào tạo, truyền dạy kỹ năng thực hành di sản văn hóa phi vật thể.

5. Khuyến khích và tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân nghiên cứu, sưu tầm, lưu giữ và giới thiệu văn hóa phi vật thể tiêu biểu, đặc sắc của tỉnh.

6. Tăng cường hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, nhất là đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa ở cơ sở nhằm đảm bảo có đủ trình độ để làm công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa. Xây dựng, sử dụng lực lượng cộng tác viên tại địa phương nhằm tuyên truyền đến người dân ý thức khôi phục và giữ gìn vốn văn hóa truyền thống của dân tộc. Huy động xã hội hóa để mọi người dân có thể tham gia bảo vệ di sản văn hóa. Đối với những di sản văn hóa có nguy cơ mai một thì cần đầu tư, nghiên cứu phục dựng lại.

7. Hằng năm rà soát, cập nhật bổ sung di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn toàn tỉnh nhằm nhận diện và xác định mức độ tồn tại, giá trị và sức sống của di sản văn hóa trong cộng đồng trên cơ sở đó đề xuất phương án bảo tồn, phát huy một cách hiệu quả.

## **VI. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

### **Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:**

- Ban hành văn bản quy định cụ thể về công tác quản lý, phân cấp quản lý DSVHPVT, trong đó có việc tham gia của cộng đồng, các tổ chức, các bên tham gia để làm căn cứ pháp lý cho một hệ thống quản lý từ trung ương đến địa phương được thuận tiện.

- Phối hợp, thống nhất với các bộ, ngành liên quan để đề xuất Chính phủ trong việc ban hành văn bản quy định rõ nhiệm vụ nghiên cứu, bảo tồn và phát huy loại hình DSVH PVT Nghề thủ công truyền thống (Nghề thủ công truyền thống được quy định là 1/7 loại hình DSVH PVT tại Luật DSVH, do ngành VHTTDL có trách nhiệm nghiên cứu, bảo tồn; nhưng việc xét tặng các danh hiệu đối với nghề nhân nắm giữ bí quyết Nghề thủ công truyền thống lại thuộc Bộ Công Thương; nhiệm vụ phát triển Nghề thủ công truyền thống tại nhiều địa phương lại do ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn triển khai thực hiện); để có sự thống nhất giữa bảo tồn và phát huy giá trị của Nghề thủ công truyền thống, từ đó có chính

sách, chế độ đãi ngộ thích hợp cho những nghệ nhân trong công tác bảo tồn, gìn giữ loại hình di sản này.


**Đề nghị UBND tỉnh Thái Bình**

- Quan tâm, chỉ đạo trong việc bố trí nguồn kinh phí cho các hoạt động truyền dạy, thực hành di sản DSVH PVT. Quan tâm đến chất lượng đầu vào của công chức văn hóa cấp xã nhằm đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ của công tác chuyên môn.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Giám đốc Sở;
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, QL VH.

**GIÁM ĐỐC**



**Trương Thị Hồng Hạnh**